



SIAM Brothers®
VIET NAM

ƯƠM MẦM TƯƠNG LẠI



TP.HCM, ngày.....tháng.....năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

(Ban hành kèm theo
Thông tư số 96/2020/TT-BTC
ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN
SIAM BROTHERS VIỆT NAM
Số:...../BC-
No:...../BC-



- SBVN:** Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
- HĐQT:** Hội đồng quản trị
- BGD:** Ban Giám đốc
- TGD:** Tổng Giám đốc
- HC-NS:** Hành chính – Nhân sự
- CBCNV:** Cán bộ công nhân viên
- NLD:** Người lao động
- AT-VSLĐ:** An toàn – Vệ sinh lao động
- HOSE:** Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- BCTN:** Báo cáo thường niên
- BCPTBV:** Báo cáo Phát triển bền vững
- CSR:** Corporate Social Responsibility – Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp
- KHKT:** Khoa học kỹ thuật
- PMH:** Phòng Mua hàng
- IT:** Công nghệ thông tin
- IUU:** Illegal, Unreported, and Unregulated fishing – Các hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp, không có báo cáo và không được quản lý
- ERP:** Enterprise Resource Planning – Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp
- DMS:** Distribution Management System – Hệ thống quản lý kênh phân phối
- QR Code:** Quick Response code – Mã QR/Mã phản hồi nhanh
- R&D:** Research & Development – Nghiên cứu & Phát triển
- HRM:** Human Resource Management – Quản trị nguồn nhân lực
- TPM:** Total Productive Maintenance – Duy trì năng suất toàn diện
- TQM:** Total Quality Management – Quản lý chất lượng toàn diện

CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà văn phòng VRG, 177 Hai Bà Trưng,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Website: siambrothersvn.com – Email: info@sbg.vn

Điện thoại: (028) 38917 433 – Fax: (028) 3891 789

MỤC LỤC

THÔNG DIỆP

Thông điệp HĐQT
Thông điệp Tổng Giám đốc

THÔNG TIN CHUNG

Khẩu hiệu; Tầm nhìn; Sứ mệnh; giá trị cốt lõi
Cột mốc phát triển
Cơ cấu tổ chức
Hội đồng quản trị
Ban Giám đốc
Thông tin cổ phiếu và Quan hệ cổ đông
Sản phẩm và Thị trường

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Cơ cấu doanh thu
Chỉ số tài chính tiêu biểu
Danh hiệu và giải thưởng
Kết quả hoạt động năm 2023
Định hướng và Kế hoạch năm 2024

BÁO CÁO BAN LÃNH ĐẠO

Báo cáo của Hội đồng quản trị
Báo cáo của Ban Giám đốc
Báo cáo của Tiểu ban kiểm toán
Báo cáo Phát triển bền vững
Báo cáo tài chính kiểm toán



BỀN CHÍ - BỀN VỮNG



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG,

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam (SBVN), tôi xin kính gửi lời chào trân trọng đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và các Đối tác thân thiết của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam.

Kính Thưa Quý vị!

Năm 2023, kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng lớn từ đại dịch COVID-19 với sự phục hồi chậm chạp, biến động giá cả và chuỗi cung ứng. Các nền kinh tế hàng đầu đối mặt với áp lực tăng lãi suất và lạm phát. Trong khi đó, ngành ngư nghiệp cũng phải đối mặt với thách thức từ biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và cạnh tranh thị trường. Chuyển đổi số và phát triển bền vững trở thành xu hướng quan trọng, đòi hỏi sự đổi mới và đầu tư trong quản lý và sản xuất để thích ứng và phát triển.

Hoạt động tại Việt Nam lâu năm, Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam đã nắm rõ sự dịch chuyển và tiềm năng của thị trường, chủ động thích nghi trong hoàn cảnh khó khăn sau đại dịch, cùng tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng và doanh nghiệp để duy trì hoạt động và vượt qua khó khăn. Đồng thời, Công ty không ngừng theo đuổi sứ mệnh trở thành đơn vị cung cấp hàng đầu cho các công cụ trong ngành ngư nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản và mở rộng sang các lĩnh vực tiềm năng khác ở ASEAN và toàn cầu.

Danh mục sản phẩm của công ty hiện đã được cập nhật thêm các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường nhiều biến đổi như các loại dây đa dụng, dây chần nuôi, v.v... Mảng kinh doanh thương mại khác ngoài dây thừng tiếp tục được bổ sung như bơm chìm, đèn, dầu nhớt, khay cá, lưới đánh cá, phao, v.v...

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác vì đã luôn trao niềm tin của mình cho Công ty, và xin cam kết tăng trưởng và phát triển công ty một cách bền vững nhất, mang đến lợi ích cao nhất cho Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác của Siam Brothers Việt Nam.

Trân trọng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

VEERAPONG SAWATYANON

THÔNG ĐIỆP

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG,

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam (SBVN), tôi xin kính gửi lời chào trân trọng đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đối tác.

Kính Thưa Quý vị!

Tình hình dịch bệnh năm 2023 vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp trên toàn thế giới, mặc dù đã có sự tiến triển trong việc kiểm soát và phòng chống dịch. Các biến thể mới của virus vẫn xuất hiện và lan truyền nhanh chóng, gây ra những đợt dịch bệnh tái phát. Tuy nhiên, việc tiêm vaccine và nâng cao năng lực y tế cũng đang gặp phải nhiều thách thức do sự phân bố không đồng đều và vấn đề an ninh dược phẩm. Các biện pháp phòng chống dịch như tiêm vaccine, kiểm soát biên giới và áp đặt các biện pháp phong tỏa vẫn được áp dụng, phần nào tạo ra nhiều rào cản cho các hoạt động giao thương và phát triển kinh tế. Tình hình các doanh nghiệp năm 2023 phụ thuộc vào nhiều yếu tố

như tình hình kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng của dịch bệnh, và các chính sách điều chỉnh từ các quốc gia. Một số ngành công nghiệp như công nghệ thông tin, y tế, và logistics có thể trở nên phát triển mạnh mẽ do nhu cầu tăng cao trong bối cảnh chuyển đổi số và dịch bệnh. Tuy nhiên, các ngành như du lịch, hàng không, và giải trí vẫn gặp khó khăn do hạn chế di chuyển và giảm đột ngột trong nhu cầu tiêu dùng. Các doanh nghiệp phải thích nghi và đổi mới để vượt qua những thách thức này.

Tình hình các doanh nghiệp ngư lưới cụ vào năm 2023 phụ thuộc vào nhiều yếu tố chung của ngành ngư nghiệp, ảnh hưởng của biến động thị trường và chiến lược kinh doanh của từng công ty. Trong bối cảnh dịch bệnh và biến động thị trường, doanh nghiệp nói chung đều gặp phải những thách thức về cung cầu, giá cả và quản lý tài chính. Tuy nhiên, với những nỗ lực bền bỉ và các chính sách linh hoạt, chiến lược kinh doanh linh động, CTCP Siam Brothers đã nhận diện được các cơ hội và tiềm năng mới trong thị trường năng động này bằng cách đổi mới sản phẩm, mở rộng thị trường, tìm kiếm các hình thức hợp tác mới.

Những nỗ lực này đã giúp sản phẩm của Công ty hiện diện ở nhiều châu lục và quốc gia hơn với những hợp đồng cỡ lớn được ký kết, ví dụ như các chuỗi siêu thị tiếng tăm King Fisher, Birgma, Suki, v.v...

Thay mặt Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác vì sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị trong thời gian vừa qua. Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa trong hành trình vươn những mầm cơ hội mới, thích ứng với những biến động mới và chinh phục những mục tiêu mới. Chúng tôi xin cam kết bằng tất cả sự cố gắng của toàn thể đội ngũ lãnh đạo và nhân viên của Công ty để hướng đến lợi ích cao nhất của Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác, đồng thời đẩy mạnh hoạt động hướng đến phát triển bền vững.

Trân trọng,

Tổng Giám Đốc

NGÔ TỪ ĐÔNG KHANH



THÔNG TIN CHUNG

KHẨU HIỆU



~ *Vững một niềm tin - Bền cùng sóng gió*
Cho mùa bội thu ~

TẦM NHÌN

Khát vọng của chúng tôi là không ngừng cải thiện đời sống của cộng đồng ngư dân trên mọi phương diện và kiến tạo một tương lai ngày càng tươi sáng hơn. Tầm nhìn của chúng tôi là xây dựng lên một thành phố cảng cá với một cảng cá hiện đại, các nhà máy xử lý thủy hải sản có khả năng tiếp nhận ngay lượng sản phẩm vừa đánh bắt về và đóng góp giá trị vào ngành thủy hải sản, giúp những sản phẩm làm ra được quảng bá tại thị trường trong nước và quốc tế ở một mức giá cạnh tranh hơn. Thành phố cảng cá này cũng sẽ có các cơ sở hạ tầng thiết yếu khác như trường học, bệnh viện, khu trung tâm mua sắm. Tất cả những yếu tố trên sẽ cống hiến vào sự đổi mới và cải thiện dần đời sống của cộng đồng nghề cá và cán bộ công nhân viên của Công ty. Tại cơ sở sản xuất, Công ty định hướng sẽ trở thành một công ty sản xuất theo mô hình mới, ứng dụng khoa học công nghệ cao trong mọi hoạt động từ sản xuất đến quản trị, phát huy tối đa hiệu suất làm việc thông qua sự kết hợp mang tính chất tương hỗ cao của con người – công nghệ.

SỨ MỆNH

Sứ mệnh của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam là trở thành nhà cung cấp hàng đầu đối với các công cụ sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản và các mảng tiềm năng khác ở khu vực ASEAN và toàn cầu.

Là một nhà cung cấp hàng đầu đồng nghĩa với việc chúng tôi phải đạt được hiệu quả hoạt động xuất sắc, mang đến mức độ hài lòng của khách hàng cao nhất trong ngành bằng cách cung cấp những sản phẩm, dịch vụ và giải pháp chất lượng cao theo những phương thức sáng tạo và sinh lợi nhất, ngoài ra còn là hiệu quả hoạt động tài chính cao nhất và xây dựng được giá trị cao nhất cho cổ đông, xây dựng một môi trường làm việc năng động và đầy thách thức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của mình.

THÔNG TIN CHUNG

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN SIAM BROTHERS VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0300812161

Vốn điều lệ: 273.664.760.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 513.726.205.738 đồng

Địa chỉ: Tầng 5 - Tòa nhà VRG, 177 Hai Bà Trưng,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 328.912.889

Fax: (028) 328.912.889

Website: <https://www.siambrothersvn.com>

Mã cổ phiếu (nếu có): SBV

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam, trước đây là Công ty TNHH Siam Brothers Việt Nam, được thành lập vào năm 1995 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1321/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 18 tháng 07 năm 1995, với 100% vốn đầu tư của Công ty Siam Brothers Group – Thái Lan. Siam Brothers Group là một trong những nhà sản xuất hàng đầu về lưới cạ tại Thái Lan, có gần 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất dây thừng, lưới đánh cá phục vụ cho các ngành đánh bắt thủy, hải sản, vận tải biển, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp,...

Sau 25 năm trải qua nhiều biến cố và thay đổi để thích nghi và phát triển, Công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể. Sản phẩm của công ty được đánh giá cao và ngày càng được ưa chuộng. Hiện nay, công ty có bốn nhà máy đang hoạt động với tổng công suất thiết kế trên 14.000 tấn sản phẩm mỗi năm, được trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại nhất được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật Bản, Ấn Độ và Thái Lan. Công ty hiện là nhà sản xuất và cung cấp dây thừng đánh bắt cá hàng đầu tại Việt Nam, đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh vào các lĩnh vực mới như nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, an toàn và hàng hải, tất cả đã chứng minh sự đúng đắn trong quyết định và chiến lược kinh doanh của ban lãnh đạo.

THÔNG TIN CHUNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: đạt được hiệu quả hoạt động xuất sắc, mang đến mức độ hài lòng của khách hàng cao nhất trong ngành bằng cách cung cấp những sản phẩm, dịch vụ và giải pháp chất lượng cao theo những phương thức sáng tạo và sinh lợi nhất, ngoài ra còn là hiệu quả hoạt động tài chính cao nhất và xây dựng được giá trị cao nhất cho cổ đông, xây dựng một môi trường làm việc năng động và đầy thách thức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: trong trung hạn, Công ty định hướng tập trung nguồn lực để hoàn thiện và chuẩn hóa giải pháp phân phối nội địa, hoàn thiện dần các nhóm sản phẩm giải pháp theo thị trường mục tiêu, mở rộng thêm thị trường xuất khẩu và hoàn thiện việc phát triển doanh nghiệp theo mô hình Công ty đặt trên nền tảng công nghệ 4.0.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Do đặc thù ngành nghề của SBVN sử dụng hạt nhựa nguyên sinh là nguyên vật liệu chính và các hoạt động sản xuất tiêu thụ nhiều năng lượng, phát thải khối lượng lớn CO2 nên ngay từ thời điểm các phong trào toàn cầu bắt đầu mạnh mẽ nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, Công ty đã định hướng bản thân là một trong những doanh nghiệp chủ chốt cần có sự thay đổi và đóng góp tích cực cho xã hội.

Công ty hiện đang sử dụng một Công ty con trong hệ sinh thái của chính mình để đẩy mạnh hoạt động tự tái sinh phế đầu ra thành nguyên vật liệu đầu vào và trong tương lai gần sẽ thu gom rác thải nhựa từ các thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty để tái chế và tái sử dụng, góp phần



giảm thiểu rác thải nhựa. Đây là nỗ lực của Công ty cùng 10 đối tác khác trong nước như VINAFIS, VINATUNA, v.v. trong Dự án Ngăn ngừa, giảm thiểu và tái chế rác thải nhựa từ lưới đánh cá ở Việt Nam đã được phê duyệt của Chính phủ Đức và đồng thực hiện bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực chung tay với Đài truyền hình VTV6 truyền thông tới người dân, đặc biệt là ngư dân, các chương trình bảo vệ biển đảo, bảo vệ ngành nghề truyền thống và xây dựng tái tạo môi trường biển đảo. Ngoài ra, kể từ 2020 Công ty đã đầu tư vào hệ thống điện mặt trời áp mái với định hướng tự sản xuất năng lượng để phục vụ hoạt động sản xuất, góp phần vào cam kết đạt mục tiêu Net Zero năm 2050 của Chính phủ Việt Nam trong hội nghị COP26.

THÔNG TIN CHUNG

CÁC RỦI RO

Biến động về nguồn nguyên liệu: Sự biến động trong giá cả và tính sẵn có của nguyên liệu chính như nylon và polyethylene có thể ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giá nylon đã tăng khoảng 15% so với năm trước và dự báo vẫn tiếp tục tăng trong năm tới do ảnh hưởng từ tình hình cung cầu toàn cầu.

Thay đổi thị trường và nhu cầu: Thay đổi nhu cầu thị trường, sự cạnh tranh từ các đối thủ và biến động về giá cả có thể ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Tỷ lệ tăng trưởng của ngành ngư lưới cụ trong nước khá thấp trong năm 2023 do tình hình kinh tế chưa ổn định.

Rủi ro về môi trường và bảo vệ biển: Áp lực từ phía chính phủ và cộng đồng về bảo vệ môi trường và biển có thể đưa ra các yêu cầu mới và tăng chi phí tuân thủ tiêu chuẩn môi trường. Các doanh nghiệp ngư lưới cụ

phải đối mặt với việc tăng chi phí tuân thủ quy định môi trường trong năm 2023.

Thay đổi chính sách và quy định: Sự thay đổi trong các quy định và chính sách liên quan đến ngành công nghiệp có thể tạo ra sự không chắc chắn và áp lực tăng chi phí cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp phải thực hiện điều chỉnh trong quy trình sản xuất và tuân thủ các quy định mới về an toàn và chất lượng.

Rủi ro về công nghệ: Công nghệ mới có thể tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các đối thủ sáng tạo, ảnh hưởng đến hiệu suất sản xuất và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ mới để cải thiện sản xuất và giảm chi phí trong năm 2023.

Rủi ro tài chính: Biến động trong tỷ giá hối đoái, chi phí vận chuyển và giá cả nguyên liệu có thể tăng chi phí sản xuất và ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Phần lớn doanh nghiệp ghi nhận tăng chi phí vận chuyển và nguyên liệu trong năm 2023, góp phần làm giảm lợi nhuận.



THÔNG TIN CHUNG

CỘT MỐC PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam tiên thân là Công ty TNHH Siam Brothers Việt Nam, được thành lập năm 1995 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1321/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cấp ngày 18 tháng 07 năm 1995, với 100% vốn đầu tư của Công ty Siam Brothers Group - Thái Lan. Siam Brothers Group là nhà sản xuất hàng đầu về ngư lưới cụ tại Thái Lan, với gần 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất dây thừng, lưới đánh cá phục vụ cho ngành đánh bắt thủy, hải sản, vận tải biển, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp,...

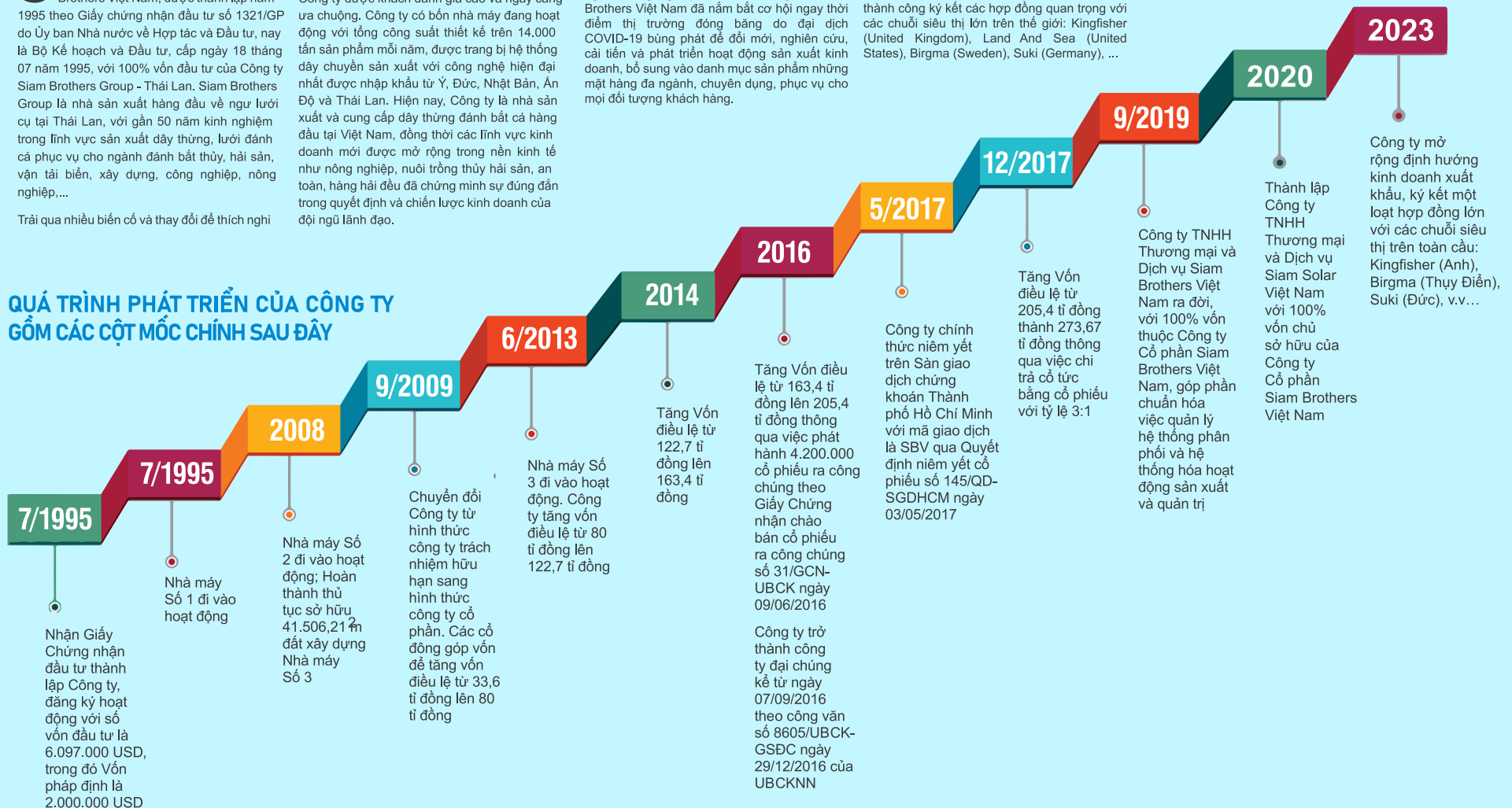
Trải qua nhiều biến cố và thay đổi để thích nghi

và phát triển trong suốt 25 năm, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan. Sản phẩm của Công ty được khách đánh giá cao và ngày càng ưa chuộng. Công ty có bốn nhà máy đang hoạt động với tổng công suất thiết kế trên 14.000 tấn sản phẩm mỗi năm, được trang bị hệ thống dây chuyền sản xuất với công nghệ hiện đại nhất được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật Bản, Ấn Độ và Thái Lan. Hiện nay, Công ty là nhà sản xuất và cung cấp dây thừng đánh bắt cá hàng đầu tại Việt Nam, đồng thời các lĩnh vực kinh doanh mới được mở rộng trong nền kinh tế như nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, an toàn, hàng hải đều đã chứng minh sự đúng đắn trong quyết định và chiến lược kinh doanh của đội ngũ lãnh đạo.

Nhận thức được sự biến đổi liên tục trong nhu cầu của khách hàng và bức tranh thay đổi của ngành công nghiệp sản xuất mang lại. Siam Brothers Việt Nam đã nắm bắt cơ hội ngay thời điểm thị trường đóng băng do đại dịch COVID-19 bùng phát để đổi mới, nghiên cứu, cải tiến và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, bổ sung vào danh mục sản phẩm những mặt hàng đa ngành, chuyên dụng, phục vụ cho mọi đối tượng khách hàng.

Nhờ đó nâng cao năng lực và vị thế, thúc đẩy công ty hội nhập mạnh mẽ, trở thành một mắt xích trọng yếu của chuỗi cung ứng toàn cầu khi thành công ký kết các hợp đồng quan trọng với các chuỗi siêu thị lớn trên thế giới: Kingfisher (United Kingdom), Land And Sea (United States), Birgma (Sweden), Suki (Germany), ...

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY GỒM CÁC CỘT MỐC CHÍNH SAU ĐÂY

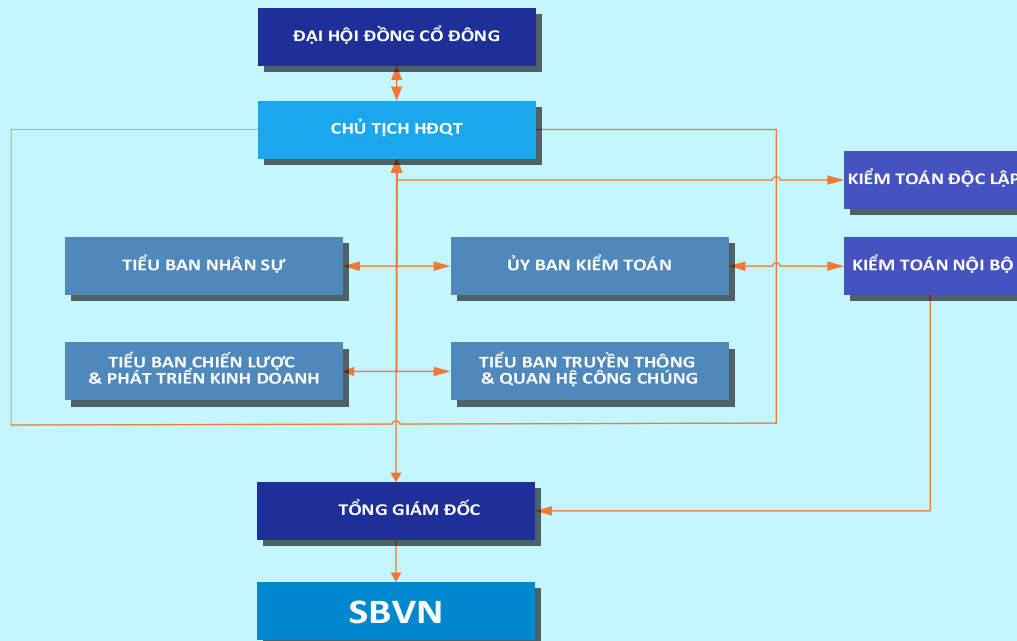


THÔNG TIN CHUNG

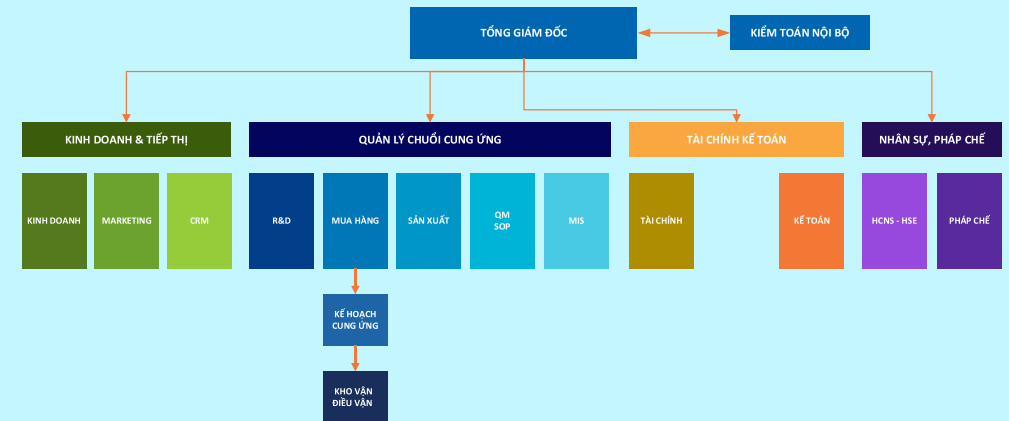
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Từ ngày 1/1/2018 đến ngày 24/4/2018 Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam (Công ty) áp dụng mô hình có HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS).

Từ ngày 24/4/2018 đến nay Công ty áp dụng mô hình Tiểu ban kiểm toán (trực thuộc HĐQT) theo Luật Doanh nghiệp năm 2014.



MÔ HÌNH TỔ CHỨC



CÁC CHI NHÁNH VÀ NHÀ MÁY

Nhà máy 1: 87/1 Quốc lộ 1 A, Phường Tân Thới Hiệp, Q12, TP. Hồ Chí Minh

Nhà máy 2: Lô A 201-202 C, Khu CN Thái Hoà, Đức Lập Hạ, Đức Hoà, Long An

Nhà máy 3: Lô E, Khu CN Thái Hòa, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An

Nhà máy 4: Lô E, Khu CN Thái Hòa, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An

CÁC CÔNG TY CON

Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Siam Brothers Việt Nam: 162 Pasteur, Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Siam Solar Việt Nam: Lô E, Khu CN Thái Hòa, Đức Lập Hạ, Đức Hòa, Long An

TỔ CHỨC - NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	585	100%
1	Trên Đại học	4	0.68%
2	Trình độ Đại học	120	20.51%
3	Trình độ Cao đẳng,	44	7.52%
4	Trung cấp chuyên nghiệp	59	10.09%
5	Lao động phổ thông	358	61.20%
II	Theo hợp đồng lao động	585	100%
1	Toàn thời gian	585	100.00%
2	Bán thời gian	0	0.00%
III	Theo giới tính	585	100%
1	Nam	371	63.42%
2	Nữ	214	36.58%

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ HIỆN TẠI ĐANG ĐƯỢC ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

- Có chính sách tuyển dụng hợp lý dựa trên sơ đồ tổ chức và hạng mục công việc của từng vị trí theo Phòng/Ban.

- Có chính sách đào tạo và định hướng cho nhân viên mới ngay từ thời gian đầu nhận việc

- Tổ chức các lớp đào tạo nội bộ và bên ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng cho NLD.

Chính sách đãi ngộ về tiền lương:

Thông qua hệ thống chấm công tự động, định kỳ hàng tháng Công ty thanh toán lương cho NLD thông qua hình thức chuyển khoản/tiền mặt và cho NLD tạm ứng lương vào ngày 15 hàng tháng, thanh toán lương vào ngày cuối tháng.

Chính sách phúc lợi và du lịch

- Tổ chức du lịch định kỳ hàng năm cho toàn thể NLD

- Tặng quà và hiện kim cho các ngày lễ trong năm: 30/4 & 1/5; quốc tế thiếu nhi 1/6, quốc khánh 2/9, ngày phụ nữ việt nam 20/10, tết dương lịch, âm lịch

- Chính sách hiếu hỉ cho NLD

- Chính sách học bổng cho con của NLD đạt danh hiệu học sinh giỏi, xuất sắc

- Hỗ trợ định kỳ kinh phí hội thao hàng tháng tại các nhà máy trực thuộc

Chính sách chăm sóc sức khỏe cho NLD

- Tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho NLD: BHXH, BHYT, BHTN, BHSK (nội trú, ngoại trú...)

- Thăm hỏi đối với NLD bị bệnh

- Ký hợp đồng khám sức khỏe với các đơn vị y tế có uy tín nhằm đảm bảo chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho NLD.

TỔ CHỨC - NHÂN SỰ



Bà Ngô Từ Đông Khanh

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân

Quá trình công tác:

1995 - nay: Giám đốc Thương hiệu và Đối ngoại truyền thông Công ty CP Siam Brothers VN

03/2016 – 2022: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sinh Thái Siam

08/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VFD

02/2018-08/2020: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Brothers Việt Nam

08/2020-nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Siam Brothers VN

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.00%

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Trần Thanh Long

QUYỀN GIÁM ĐỐC THƯƠNG MẠI

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh

Quá trình công tác:

2016 – nay: Phó Giám đốc thương mại Công ty CP Siam Brothers Việt Nam

2012-2016: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Siam Brothers Việt Nam

2010-2012: Giám đốc phát triển kinh doanh Công ty xi măng Công thanh.

2007-2010: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Gạch men Vicera.

2005 -2007: Trưởng VPDD Gold Success Industries tại Việt Nam.

2002-2005: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Gạch men Hoàng Gia



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.04%

Ông Nguyễn Đức Huy

GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

2015 – nay: Giám đốc sản xuất tại Công ty CP Siam Brothers Việt Nam.

2001-2013: Giám đốc sản xuất tại Công ty TNHH Maruel Việt Nam.



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.00%

Ông Trần Ngọc Dũng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trình độ chuyên môn: Kế Toán/ Kiểm Toán

Quá trình công tác:

2000 - 02/2004: Nhân viên kinh doanh Công ty cổ phần phát triển nhà Hoàng Hải.

02/2004 - 11/2008: Kế toán thanh toán, Kế toán tổng hợp Công ty cổ phần phát triển nhà Hoàng Hải.

04/2009 - 12/2011: Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ.

02/2012 - 06/2013: Kế Toán Trưởng nhà Máy Hồ Chí Minh - Tập đoàn Tân Á Đại Thành.

6/2013 - 06/2020: Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Việt Sơn.

07/2020 – nay: Kế Toán Trưởng Công ty cổ phần Siam Brothers Việt Nam.



Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.00%

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

Sàn giao dịch	HOSE
Mã giao dịch	SBV
Nhóm ngành	Sản xuất
Ngành	Sản xuất khác
Ngày niêm yết:	16/05/2017 - Ngày giao dịch đầu tiên trên sàn HOSE với giá tham chiếu 40.000 đ/CP.
Mệnh giá	10.000 đồng
Vốn điều lệ	273,664,760,000
Số CP niêm yết lần đầu	20,540,000
Số CP niêm yết	27,366,476
Số CP đang lưu hành	27,323,976

Biểu đồ biến động giá 6 tháng (nguồn: www.stockbiz.vn)



TỔNG SỐ CỔ PHẦN	27,366,476
------------------------	-------------------

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông	27,323,976
--	-------------------

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	27,323,976
--------------------------------------	-------------------

Cổ phiếu quỹ	42,500
--------------	---------------

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Tỷ lệ
Sở hữu nhà nước	0,00%
Sở hữu nước ngoài	14,715%
Sở hữu trong nước	85,284%

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN (SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN)

STT	Họ tên cá nhân/tổ chức	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ
01	Công ty Cổ phần Siam Holdings	17,902,909	65,42%
Tổng		17,902,909	65,42%

THÔNG TIN CHUNG

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- ▶ **Công ty được thành lập năm 1995**, đăng ký hoạt động với số vốn đầu tư là 6.097.000 USD, trong đó Vốn pháp định là 2.000.000 USD.
- ▶ **Đến Tháng 7 năm 2008**, Công ty đã thực hiện đăng ký lại doanh nghiệp và được UBND TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu với Vốn điều lệ là 33.600.000.000 đồng (tương đương 2.100.000 USD).
- ▶ **Công ty đã thực hiện chuyển đổi** Công ty từ hình thức TNHH thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 80 tỉ đồng (4.480.000 USD) vào Tháng 9 năm 2009.
- ▶ **Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ** lên 122.700.000.000 đồng (6.513.333 USD) vào tháng 6/2013 theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 do UBND TP. HCM cấp ngày 3/6/2013.
- ▶ **Năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ** lên 163,4 tỉ đồng.
- ▶ **Năm 2016, Công ty đã thực hiện tăng Vốn điều lệ** lên 205,4 tỷ đồng.
- ▶ **Năm 2017, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu**, tăng vốn điều lệ lên thành 273.664.760.000 đồng.
Công ty đã thực hiện 7 đợt tăng vốn kể từ khi đăng ký chuyển đổi thành Công ty cổ phần. **Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:**

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (tỉ đồng)			Hình thức tăng	Đơn vị phê duyệt/cấp
	Trước khi tăng	Tăng thêm	Sau khi tăng		
Tháng 7/1995				Thành lập Công ty với vốn pháp định là 2.000.000 USD	Ủy Ban Nhà Nước về Hợp tác và Đầu tư
Tháng 7/2008			33,6	Đăng ký lại doanh nghiệp	UBND TP.HCM (Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu)
Tháng 9/2009	33,6	46,4	80,0	Chuyển đổi doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành Công ty cổ phần, góp thêm vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cổ đông mới	UBND TP.HCM (Giấy chứng nhận đầu tư số 411033000030 ngày 08/09/2009)
Tháng 6/2013	80,0	42,7	122,7	Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	UBND TP.HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 ngày 3/6/2013)
Tháng 6/2015	122,7	40,7	163,4	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBND TP.HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 5 ngày 30/6/2015)
Tháng 9/2016	163,4	42	205,4	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng	Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 31/GCN-UBCK ngày 09/06/2016 của UBCKNN
Tháng 12/2017	205,4	68,26	273,66	Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2017 theo tỉ lệ 3:1.	UBND TP. HCM (Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 9 ngày 22/01/2018)

THÔNG TIN CHUNG

LỊCH SỬ CHIA CỔ TỨC

Loại hình cổ tức	Ngày GDKHQ	Tỷ lệ	Giá trị
Cổ tức bằng tiền	25/09/2023	5%	500 đồng/cổ phiếu
Cổ tức bằng tiền	22/09/2022	12%	1,200 đồng/cổ phiếu
Cổ tức bằng tiền	23/09/2021	12%	1,200 đồng/cổ phiếu
Cổ tức bằng tiền	30/11/2020	12%	1,200 đồng/cổ phiếu
Cổ tức bằng tiền	24/05/2019	12%	1,200 đồng/cổ phiếu
Cổ tức bằng tiền	15/06/2018	15%	1,500 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu thưởng	20/12/2017	1/3	Chia tách / thưởng: 6,826,476
Cổ tức bằng tiền	28/11/2017	15%	1,500 đồng/cổ phiếu
Cổ tức bằng tiền	04/07/2017	20%	2,000 đồng/cổ phiếu

SỞ HỮU CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Đối tượng	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ
Hội đồng quản trị	Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch	1,066,666	3.903%
	Itthapat Sawatyanon	Thành viên	1,256,666	4.599%
	Ngô Từ Đông Khanh	Thành viên	26	0.0001%
	Huỳnh Tiến Việt	Thành viên	17,213	0.063%
	Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên	47,920	0.175%
	Lê Phụng Hào	Thành viên	14,282	0.052%
Ban Giám đốc	Trần Thanh Long	Phó GD Thương mại	10,026	0.036%
	Nguyễn Đức Huy	GD Sản xuất	0	0.00%
	Trần Ngọc Dũng	Kế toán trưởng	0	0.00%
Tiểu ban Kiểm toán	Lê Phụng Hào	Trưởng ban	14,282	0.052%
	Veerapong Sawatyanon	Thành viên	1,066,666	3.903%

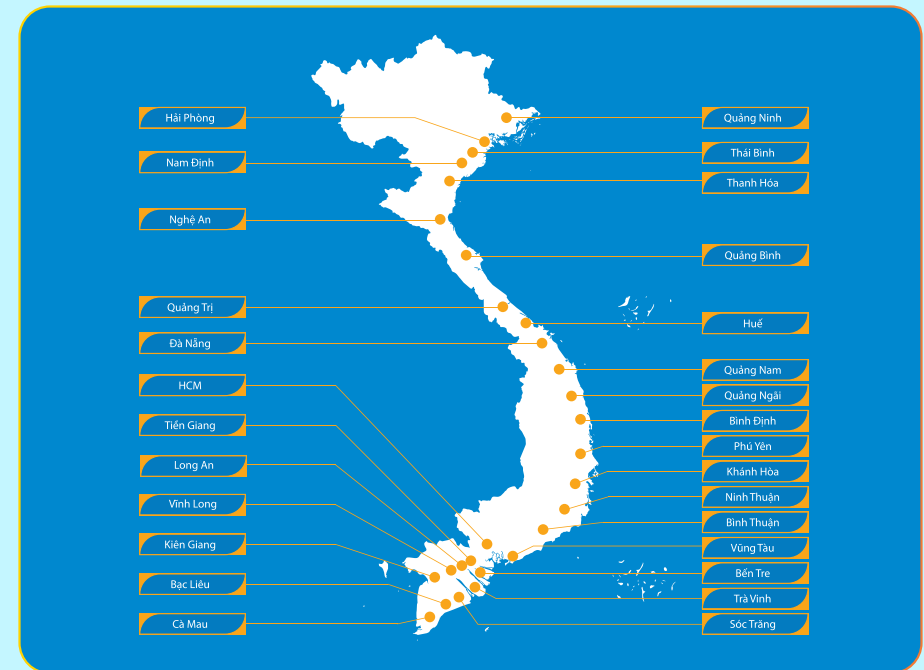


THÔNG TIN CHUNG

CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1324 (Chính)	Sản xuất các loại dây bện và lưới Chi tiết: Sản xuất dây PP, dây PE, dây thừng bện dùng trong nông ngư nghiệp
4690	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các sản phẩm có mã HS sau: các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực ngư nghiệp 5608, 5607, 8539, 8418, 3916, 3926, 3208, các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp: 8432, 8433, 8434, 8436, 5803 (CPC 622)
6201	Lập trình máy vi tính Chi tiết: sản xuất và phát triển phần mềm máy tính (CPC 842)
2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp
6810	Kinh doanh bất động sản , quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: thực hiện theo Điều 11 Luật kinh doanh bất động sản
3511	Sản xuất điện
3512	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: bán điện cho người sử dụng

Sản phẩm của SBVN hiện tại đã hiện diện ở toàn bộ các tỉnh duyên hải. Đồng thời, với thị trường mới, sản phẩm của Công ty hiện đang mở rộng sang nhiều tỉnh thành khác chuyên về nông nghiệp, nuôi trồng, v.v.. thông qua hệ thống phân phối bán lẻ rộng khắp cả nước.

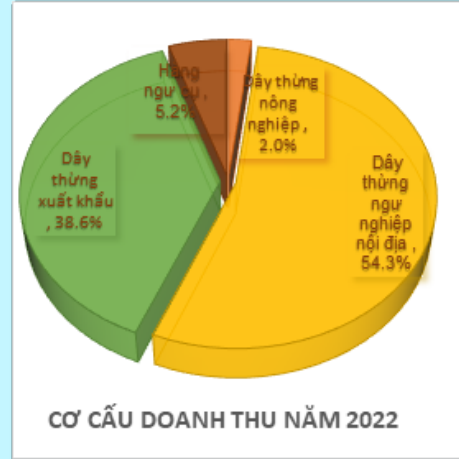
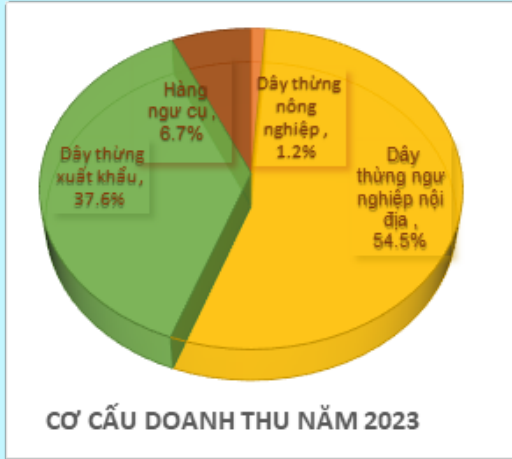


Sản phẩm của Siam Brothers đã vươn mình đến khắp các lục địa trên toàn thế giới: Sri Lanka, Madagasca, Na Uy, Ireland, Mỹ, Hà Lan, Nicaragua, Sudan, Thái Lan, Malaysia, Campuchia, Singapore, Indonesia, Úc, Nhật Bản, New Zealand...



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



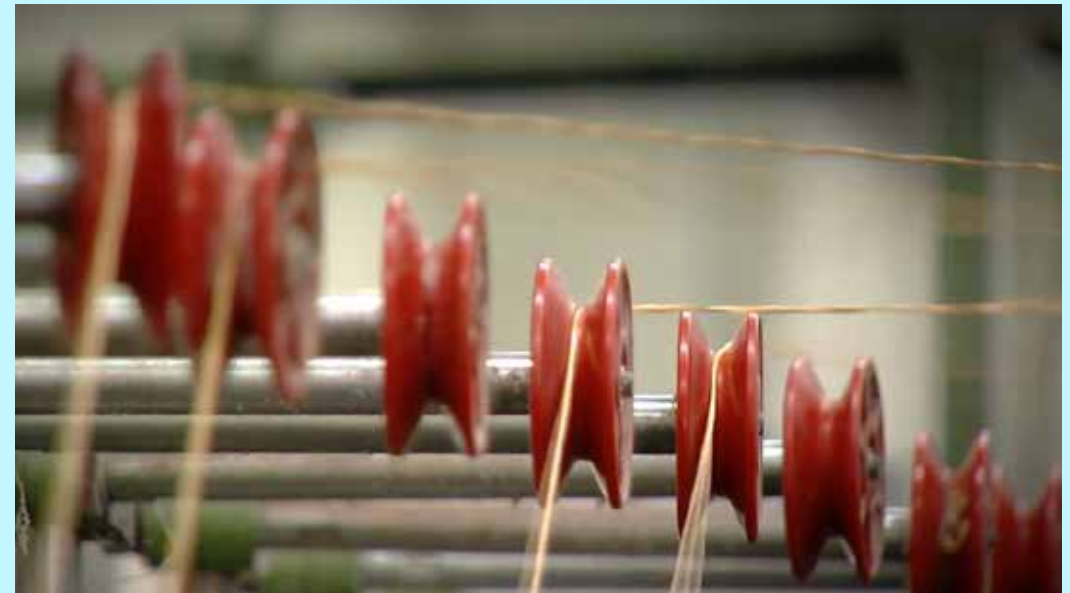
Cơ cấu doanh thu năm 2023 không có sự thay đổi nhiều so với năm 2022, Công ty tiếp tục tăng tỷ trọng mảng dây thừng xuất khẩu trong tổng doanh thu, mảng dây thừng phục vụ cho ngành nông nghiệp tiếp tục sụt giảm nhường % tăng cho các mặt hàng ngư cụ. Thị trường trong nước năm 2023 tiếp tục đối diện với các khó khăn từ giá xăng dầu tiếp tục neo ở mức cao, một số tàu thuyền vẫn chưa quay lại thị trường khai thác do chi phí vận hành quá lớn, số lượng tàu thuyền giảm (tàu không đủ chất lượng) theo như khuyến nghị của EC trong việc gỡ “thẻ vàng”, tỷ trọng dây thừng ngư nghiệp nội địa vẫn giữ vững

tính trên tỷ lệ phần trăm trong tổng doanh thu.

Trong năm 2023, mảng dây xuất khẩu đã được mở rộng cơ cấu sản phẩm cung cấp ra thị trường. Công ty đã không còn “bó hẹp” trong việc chỉ cung cấp dây thừng cho thị trường đánh bắt, mà đã thành công trong việc tiếp cận với khách hàng lớn trong mảng dây đa dụng. Sự tăng trưởng trong tỷ trọng dây thừng xuất khẩu là một tín hiệu vui cho Công ty, và là sự khẳng định chiến lược đẩy mạnh sản phẩm tiêu thụ ở các thị trường khác nhau nhằm giảm sự phụ thuộc vào thị trường nội địa đã được triển khai trong các

năm vừa qua đã thu được “quả ngọt” xứng đáng.

Đối với thị trường các sản phẩm ngư lưới cụ khác phục vụ cho hoạt động đánh bắt nuôi trồng thủy sản, Công ty tiếp tục chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, liên tục tìm kiếm và đưa ra các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu người dùng. Sản phẩm lưới cùng với mặt hàng nhót năm 2023 tiếp tục là sản phẩm chủ lực đóng góp doanh thu cao nhất trong mảng ngư lưới cụ, một số sản phẩm mới được giới thiệu vào thị trường cũng chứng minh tiềm năng tăng trưởng như phao lồng bè, khay cá... Công ty vẫn đang tập trung nguồn lực để tiếp tục giới thiệu thêm các mặt hàng ngư lưới cụ khác đến bà con ngư dân, cũng như hỗ trợ phát triển thêm các sản phẩm hiện có trong danh mục sản phẩm

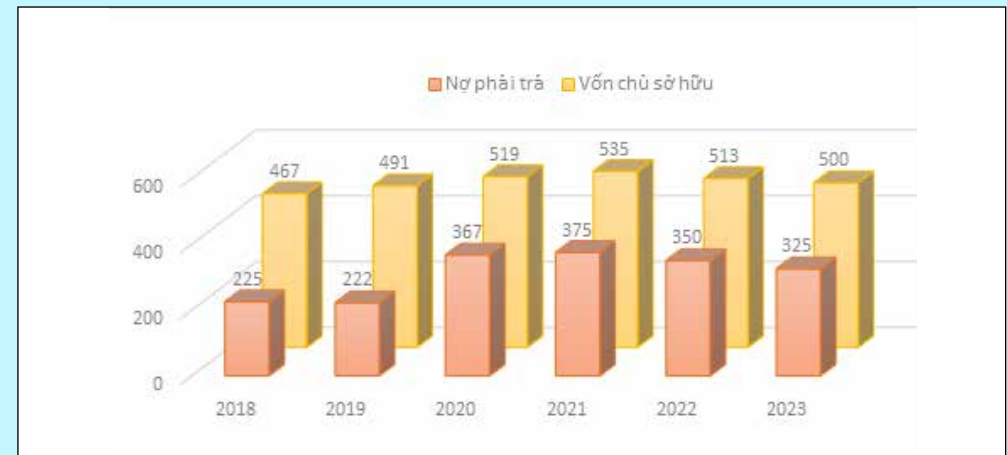


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

CHỈ TIÊU	DVT	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Tỷ đồng							
Doanh thu		525	470	466	510	522	472	445
Doanh thu thuần		524	469	465	506	510	459	425
Lợi nhuận gộp		221	173	152	200	177	160	139
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		129	62	67	86	45	18	8.7
Lợi nhuận trước thuế		129	62	67	83	63	18	11.5
Lợi nhuận sau thuế		113	52	57	67	51	13	6.7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Tỷ đồng							
Tài sản ngắn hạn		401	428	422	501	560	537	528
Tài sản dài hạn		211	263	291	385	351	326	297
Tổng tài sản		612	692	713	887	911	864	826
Nợ phải trả		152	225	222	367	375	350	325
Vốn điều lệ		273.6	273.6	273.6	273.6	273.6	273.6	273.6
Vốn chủ sở hữu		458	467	491	519	535	513	500
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH CUỐI KỲ	Cổ phiếu	27.366.476	27.366.476	27.366.476	27.366.476	27.366.476	27.366.476	27.366.476
LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	VND	5199	1819	2050	2342	1811	459	79

Tổng tài sản của SBV cuối năm 2023 là 826 tỷ đồng giảm 4% so với năm trước. Tài sản ngắn hạn cuối năm 2023 giảm 2% so với 2022 đến từ nguyên nhân chủ yếu là khoản phải thu khách hàng và phải thu khác do tình hình kinh doanh vẫn đang gặp khó khăn. Tuy nhiên, sự sụt giảm trong khoản phải thu cũng tương đương với sự giảm sút trong doanh thu năm 2023, chứng minh rằng Công ty vẫn đang duy trì rất tốt chính sách công nợ với khách hàng, không làm phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi.

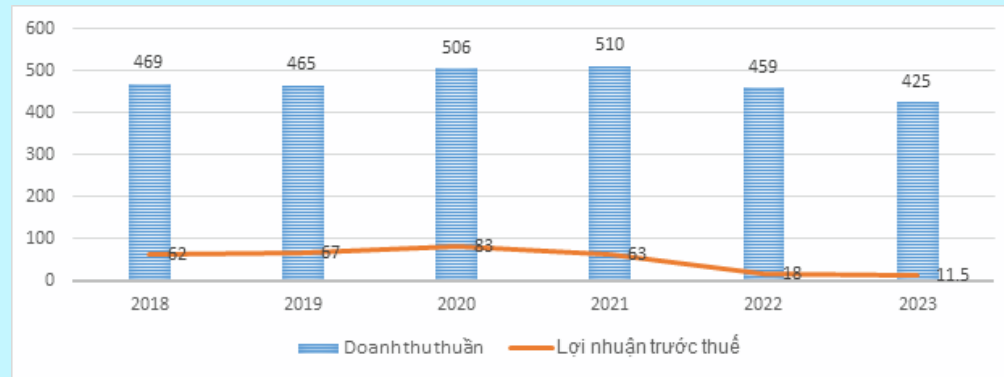


Trong năm 2023 Công ty đã thanh lý các khoản nợ thuê tài chính đến hạn dẫn đến sự sụt giảm ở khoản mục tài sản thuê tài chính và các khoản ký quỹ liên quan đến các tài sản thuê tài chính, vì vậy, so với năm 2022 phần tài sản dài hạn giảm 9%.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Tổng nợ phải trả cuối năm 2023 của SBV là 325 tỷ đồng, giảm nhẹ 25 tỷ so với 2022. Công ty đã làm việc với nhà cung cấp về chính sách công nợ để giảm áp lực nguồn tiền vay trong giai đoạn tình hình công ty đang gặp khó khăn, vì vậy, các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn tiếp tục xu hướng đi xuống trong năm này.



Về tổng thể, nền kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn bấp bênh trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chồng chéo, như đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga - Ukraine và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát và hướng tới tài chính công bền vững; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản... Giá năng lượng cao và tăng lãi suất cùng với hoạt

động kinh tế chậm lại ở các nền kinh tế phát triển có thể dẫn đến gia tăng các khoản nợ xấu, làm giảm giá trị tài sản dài hạn. Sự kết hợp giữa giá nhà giảm và thị trường việc làm yếu có thể làm tăng tình trạng vỡ nợ thế chấp, gây áp lực lên lợi nhuận của các ngân hàng, dẫn tới tăng chi phí đi vay và hạn chế dư địa dành cho chi tiêu ưu tiên và làm tăng nguy cơ khủng hoảng nợ. Tăng trưởng tiềm năng toàn cầu dự kiến sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong ba thập kỉ, đạt 2,2% trong thời gian còn lại

của thập niên 2020 gắn với lực lượng lao động toàn cầu đang già đi và tăng trưởng chậm hơn, tốc độ tăng trưởng đầu tư và năng suất các nhân tố tổng hợp ngày càng giảm; sự phân mảnh địa kinh tế ngày càng sâu sắc, với nhiều hạn chế hơn về thương mại, dịch chuyển vốn xuyên biên giới, công nghệ, lao động và thanh toán quốc tế có

thể làm gia tăng biến động về giá cả hàng hóa và cản trở sự hợp tác đa phương trong việc cung cấp hàng hóa công toàn cầu. Ngoài ra, nền kinh tế toàn cầu ngày càng dễ bị tổn thương trước những cú sốc do biến đổi khí hậu.

(theo tapchinganhang.gov.vn)

VIỆT NAM BƯỚC VÀO NĂM 2023

với những thuận lợi cơ bản từ đà phục hồi kinh tế ấn tượng của năm 2022. Năm 2023, Chính phủ tiếp tục Chương trình phục hồi và các chương trình mục tiêu quốc gia, kiểm soát được sự ổn định vĩ mô, sự tăng trưởng cao của thị trường trong nước, duy trì được các cân đối lớn của nền kinh tế, kiểm soát an toàn lạm phát, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài, bội chi ngân sách nhà nước. Tăng trưởng kinh tế từng bước được phục hồi, quý sau cao hơn quý trước, nhiều bất phá trong cải thiện cơ cấu kinh tế. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng GDP năm 2023 của cả nước ước đạt trên 5%, mặc dù

thấp hơn chỉ tiêu đề ra (khoảng 6,5%) nhưng vẫn cao hơn gấp đôi mức tăng GDP trung bình thế giới và thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới năm 2023.

Tuy vậy, năm 2023, nhiều động lực tăng trưởng chính chậm lại, đối mặt với nhiều khó khăn; kim ngạch xuất khẩu ước giảm 3,5%, nhập khẩu ước giảm 4,2%; nợ xấu có xu hướng tăng; các thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro. Việt Nam vẫn gặp áp lực hoàn thành mục tiêu tăng trưởng bình quân 5 năm (6,5 - 7%) do tăng trưởng kinh tế gặp nhiều thách thức; ổn định kinh tế vĩ mô chưa thực sự

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

vững chắc; sức chống chịu của nhiều doanh nghiệp đã đến mức tới hạn; hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục còn nhiều khó khăn. Phát triển lực lượng doanh nghiệp có dấu hiệu chững lại, năng lực hấp thụ vốn giảm. Các ngành kinh tế chưa chuyển dịch mạnh về tăng năng suất, nhất là khu vực công nghiệp và dịch vụ; năng lực tự chủ và khả năng chống chịu còn nhiều hạn chế. Các loại thị trường hoạt động chưa hiệu quả, chưa đảm bảo điều kiện phát triển bền vững...

Tuy đã có những chính sách điều chỉnh phù hợp nhưng những khó khăn từ thị trường quốc tế và trong nước vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến việc sản xuất kinh doanh của Công ty CP Siam Brothers VN. Giá nguyên vật liệu vẫn ở mức cao, tình hình giá xăng dầu vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, thẻ vàng IUU vẫn chưa được gỡ bỏ làm thị trường đánh bắt chưa phục hồi được. Vì vậy, Công ty không thể đạt được kế hoạch đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông giao cho, đạt 18% kế hoạch lợi nhuận đề ra.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch đặt ra năm 2023:

CHỈ TIÊU	2023	2023 kế hoạch
Doanh thu (tỷ đồng)	425	650
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	11.5	65

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bức tranh lợi nhuận của Công ty năm 2023 vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bất lợi và chưa có dấu hiệu hồi phục so với năm 2022

CHỈ TIÊU	ĐVT	2021	2022	2023	% tăng giảm
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	9.77	2.75	1.51	-45.33
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9.53	2.53	1.34	-47.12
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	5.60	1.50	0.81	-46.09
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	8.82	3.92	2.05	-47.80

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế/doanh thu năm 2023 đạt mức 1.51%, giảm 45% so với 2022. Biên lợi nhuận gộp tiếp tục giảm so với cùng kỳ do giá hạt nhựa vẫn duy trì ở mức cao do tình trạng căng thẳng nguồn cung chưa hạ nhiệt, thêm vào đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng đã làm lợi nhuận sau thuế sụt giảm.

Lợi nhuận sau thuế giảm 48% đã làm các chỉ tiêu liên quan đến lợi nhuận đều giảm trong bối cảnh công ty không có sự thay đổi đáng kể nào về tài sản và nguồn vốn.

CHỈ TIÊU	ĐVT	2021	2022	2023	% tăng giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	lần	1.73	1.68	1.69	0.60
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0.92	0.82	0.74	-9.76
Nợ ngắn hạn	tỷ đồng	322	319	311	-2.51

Hệ số thanh toán ngắn hạn gần như ổn định so với năm 2022, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh tiếp tục giảm so với cùng kỳ. Tình hình kinh tế khó khăn ảnh hưởng đến doanh thu và khoản phải thu là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụt giảm hệ số thanh toán nhanh.

CHỈ TIÊU	ĐVT	2021	2022	2023	% tăng giảm
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số nợ/Tổng tài sản	lần	0.41	0.41	0.39	-2.87
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0.70	0.68	0.65	-4.73
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	lần	1.96	1.61	1.43	-11.18
Vòng quay khoản phải thu	Lần	2.05	2.02	1.97	-2.48
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0.56	0.53	0.51	-3.15

Hệ số nợ/tổng tài sản năm 2023 theo xu hướng giảm trong các năm qua. Hệ số nợ/tổng tài sản đạt 0,39 lần và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu đạt 0,65 lần so với cùng kỳ năm trước tương ứng là 0,41 lần và 0,68 lần.

Vòng quay khoản phải thu, hàng tồn kho đều giảm do ảnh hưởng bởi hoạt động kinh doanh khó khăn, dòng tiền thu từ bán hàng kéo dài hơn các năm trước, tuy nhiên hiện nay công ty vẫn cố gắng theo sát công nợ khách hàng để không xảy ra tình trạng nợ xấu khó thu hồi, đồng thời tăng thêm các biện pháp đảm bảo an toàn cho khoản phải thu. Công suất sản xuất nhà máy đã được điều chỉnh nhằm giảm bớt áp lực lên hàng tồn kho, chỉ tập trung sản xuất các mặt hàng đang có nhu cầu cao trên thị trường.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Tác động lên môi trường

Theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, các quá trình liên quan đến các rủi ro đều được xác định và lập kế hoạch để hạn chế ở mức thấp nhất các rủi ro có khả năng xảy ra gây ảnh hưởng đến các hệ thống quản lý đang được áp dụng tại Công ty.

Các rủi ro có thể xảy ra đối với các hoạt động tác nghiệp của Công ty đều được nhận diện và đánh giá khả năng xảy ra để có thể đưa ra các hành động nhằm hạn chế ở mức thấp nhất những thiệt hại khi xảy ra những rủi ro này

Công ty cũng đã xác định khía cạnh môi

trường đáng kể và đã xây dựng các văn bản hướng dẫn xử lý sự cố xảy ra đối với khía cạnh môi trường đáng kể.

Nguyên vật liệu chủ yếu của công ty là nhựa PP, PE và các phụ gia khác, nên ngoài việc tạo ra sản phẩm chất lượng cao Siam Brothers VN còn chú trọng vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu nhựa, tiết kiệm năng lượng, từng bước thay thế các các loại máy móc thiết bị lạc hậu nhằm tăng năng suất và tiết kiệm năng lượng.

Để tiết kiệm năng lượng điện, công ty đã từng bước thay đổi đốt nóng bằng điện trở chuyển qua sử dụng công nghệ đốt nóng bằng điện từ. Bên cạnh đó, hoạt động Kaizen được thực hiện thường xuyên để nâng cao năng suất và giảm thiểu điện năng tiêu thụ. Một số hoạt động thường kỳ được ưu tiên thực hiện xen kẽ với lịch sản xuất dày đặc như thực hiện kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị, kiểm soát vi phạm nội quy về ATLD, thiết lập lại thao tác tắt mở nhiệt điện đầu máy cho các máy

nhóm đặc thù sử dụng nhiều điện năng để giảm lượng điện hao phí, lập KH rà soát các vị trí có nguy cơ rò rỉ điện ở các nhà máy. Toàn bộ 100% chất thải nguy hại được thu gom và phân loại

Khu vực thu gom chất thải và thùng rác được phân loại theo quy định nhằm đảm bảo chất thải nguy hại được thu gom triệt để thông qua hợp đồng với đơn vị thu gom rác

Sản phẩm của Công ty dựa trên công nghệ đùn sợi, nhựa khi ra khỏi đầu khuôn phải qua bồn nước lạnh và nước nóng nên lượng nước sử dụng khá nhiều, do đó nước sử dụng trong quá trình sản xuất đã được thu hồi lại và tiến hành lọc để sử dụng tuần hoàn tránh lãng phí tài nguyên nước.

Các loại nước thải sinh hoạt được tập trung vào bể chứa và qua hệ thống xử lý nước thải đạt các chỉ tiêu môi trường.

Trong 2 năm gần đây, Công ty định hướng mở rộng sang các thị trường xuất khẩu và

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

tập trung cải thiện hệ thống theo hướng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế với trọng tâm đặt vào vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Cụ thể, Công ty đã đạt chứng chỉ SA8000, ISO14000 và liên tục duy trì nhằm duy trì tính tuân thủ với những yêu cầu của các khách hàng khắt khe nhất.

Bên cạnh đó, trong lộ trình mở rộng thị trường sang các lục địa khác, công ty cũng đã thành công đạt được Chứng chỉ CTPAT (Customs-Trade Partnership Against Terrorism), đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn an ninh và quản lý rủi ro và được xem như là một dấu hiệu uy tín cho việc tuân thủ các tiêu chuẩn an ninh quốc tế, giúp doanh nghiệp tăng cường mức độ tin cậy trong quá trình thương mại quốc tế.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Đến hiện tại, Công ty tự hào chưa từng có lịch sử bị xử phạt vì các vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Trong môi trường sản xuất, Nhà máy phối hợp bộ phận ATLĐ thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhắc nhở công nhân cẩn thận trong việc vận hành máy, để tránh trường hợp tai nạn lao động xảy ra và luôn đề cao đảm bảo an toàn phòng dịch trong sản xuất. Đồng thời, Ban điều hành cũng thường xuyên chỉ đạo thực hiện 5S tại nơi làm việc đảm bảo nhà máy lúc nào cũng sạch sẽ, gọn gàng, luôn sẵn sàng cho hoạt động sản xuất; đào tạo nhận thức 5S, Kaizen, ATLĐ cho 100% công nhân mới; đào tạo công nhân thực hiện tốt công tác TPM, đồng thời công tác bảo trì sửa chữa được thực hiện đúng kế hoạch nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt; đào tạo thêm TPM các nhóm máy, sắp xếp cho đào tạo lớp quản lý công việc và trình độ chuyên môn cho nhân viên.

Các khóa học để nâng cao trình độ chuyên môn SA8000 và Quản lý cấp trung được định kỳ tổ chức để đào tạo đội ngũ kế thừa

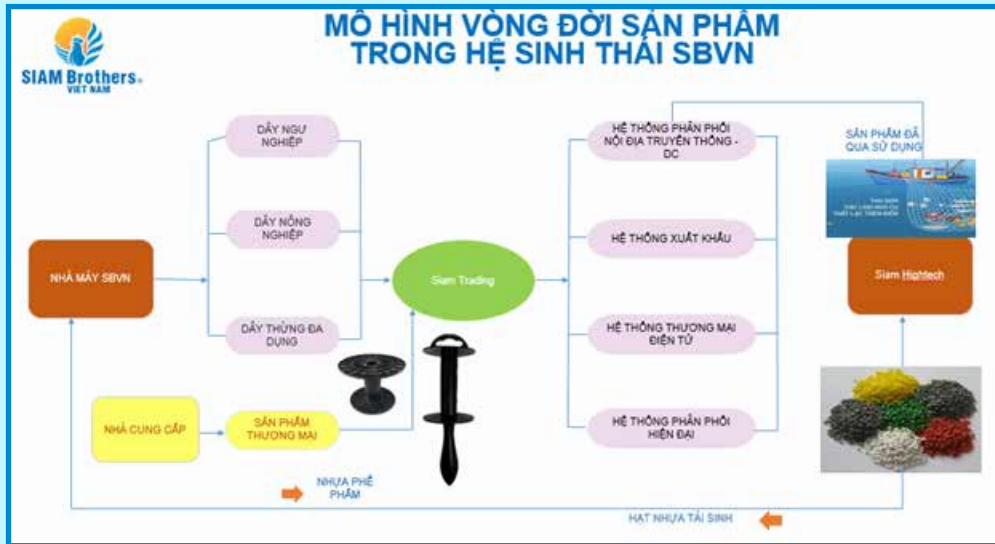
và đảm bảo mức độ tuân thủ của Công ty và chất lượng tiêu chuẩn của sản phẩm.

Công ty vẫn nỗ lực duy trì các hoạt động gắn kết nhân viên cơ bản, đồng thời hướng đến cộng đồng thông qua một số hoạt động xã hội tiêu biểu như trao tặng học bổng, tổ chức hội thảo nâng cao nhận thức cho ngư dân tại các tỉnh thành, đóng góp vào quỹ khuyến học cho các khu vực vùng sâu vùng xa nhiều khó khăn, trao tặng quà cho NLĐ dịp tết nguyên đán, phối hợp với liên đoàn lao động Quận 12 trao tặng quà cho NLĐ có hoàn cảnh khó khăn trong Công ty. Mỗi năm, công ty tổ chức các buổi đào tạo sản phẩm, kết hợp với các thông điệp bảo vệ môi trường biển cho hàng trăm ngàn thuyền trưởng và thủy thủ.

Đối với những người dân ở các làng chài, công ty hợp tác với các đoàn thanh niên Việt Nam thực hiện các chiến dịch cứu biển và làm sạch rác thải ở các tỉnh ven biển. Các chương trình bảo vệ biển và các đảo trực tiếp được truyền đến người dân qua VTV.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



Kể từ khi các vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu nảy sinh cách đây nhiều năm, công ty đã nhận ra mối liên hệ của chúng với doanh nghiệp và bắt đầu có những sáng kiến để giải quyết vấn đề này, quy trình tái chế của công ty là một ví dụ điển hình trong số đó, hỗ trợ xây dựng thành công một vòng khép kín cho các hoạt động của mình, trong đó các sản phẩm của công ty sau khi sử dụng sẽ được thu mua lại và xử lý đúng cách trước khi tái chế thành nhựa. Loại nhựa tái chế này hiện được sử dụng để sản xuất một số đơn hàng yêu cầu đặc biệt với tỷ lệ phối trộn 20% – 30% trong công

thức và đáp ứng được yêu cầu khắt khe của các khách hàng toàn cầu. Với sự đón nhận toàn cầu như vậy, chúng tôi rất hy vọng rằng người tiêu dùng trong nước sẽ dần thay đổi tư duy, nghĩ nhiều hơn cho môi trường và bắt đầu sử dụng các sản phẩm làm từ nhựa tái chế.

Ngoài ra, công ty cũng có các dự án dài hạn như: khôi phục san hô cho biển và dự án trồng cây để thu gom khí CO do chính phủ kêu gọi.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Thị trường nội địa gặp khó khăn do nhiều yếu tố như tăng giá xăng dầu, việc dịch chuyển cơ cấu ngành khai thác biển chưa hoàn thiện bên cạnh sự không ổn định trong hoạt động của đội tàu và giảm số lượng đội tàu do ảnh hưởng từ chính sách của Chính phủ. Trong lĩnh vực nông nghiệp, việc sụt giảm sản lượng, đặc biệt là trong sản phẩm chuối, đang khiến các doanh nghiệp lớn gặp khó khăn và thua lỗ, kéo theo khả năng tiêu thụ đối với sản phẩm chủ lực của công ty là dây cột chuối gần như tuột dốc.

Trong lĩnh vực xuất khẩu, sản phẩm truyền thống đối mặt với biến động thị trường và một số khu vực gặp vấn đề về chi phí vận

chuyển cao vào các tháng 11-12 nên cán cân tài chính của công ty bị ảnh hưởng nhiều trong tháng cao điểm. Sức mua giảm sút dù công ty mở ra được thêm một số thị trường mới do chi phí cao, việc thực hiện hợp đồng đã ký gặp khó khăn do chưa kịp hàng lớn.

Đối với sản phẩm mới như các mặt hàng siêu thị, việc thực hiện kế hoạch gặp khó khăn do thiếu kinh nghiệm trong mảng mới này nên doanh thu chưa có đóng góp đáng kể. Nội chiến tại Myanmar cũng góp phần làm giảm doanh thu của công ty khi đây là một trong những thị trường xuất khẩu chủ chốt.

CHỈ TIÊU	2023	2023 kế hoạch
Doanh thu (tỷ đồng)	425	650
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	11.5	65

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

BỨC TRANH NGÀNH NGƯ NGHIỆP 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NGƯ NGHIỆP TRONG GIAI ĐOẠN TƯƠNG LAI

Năm 2023

Khó khăn và cơ hội cho ngành thủy sản

Năm 2023 là một năm khó khăn với ngành thủy sản nước ta khi phải đối mặt với làn sóng lạm phát lan rộng trên toàn thế giới, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm thủy sản giảm mạnh khiến cho hoạt động sản xuất bị ảnh hưởng. Tuy vậy, ngành thủy sản vẫn đạt được một số kết quả khả quan trong năm qua.

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản ước khoảng 9,2 tỷ USD, đạt 92% so với kế hoạch (10 tỷ USD). Trong đó xuất khẩu tôm đạt khoảng 3,45 tỷ USD; cá tra khoảng 1,9 tỷ USD;

nhuyễn thể khoảng 0,8 tỷ USD; cá ngừ khoảng 0,9 tỷ USD. Bên cạnh đó, giá cả một số hàng hóa, vật tư đầu vào phục vụ phát triển thủy sản vẫn còn ở mức cao, chi phí logistics cao gây áp lực đối với hoạt động sản xuất, đặc biệt khi nhu cầu tiêu thụ chững lại và quy mô sản xuất bị thu hẹp. Ủy ban châu Âu tiếp tục giữ cảnh báo thẻ vàng đối với sản phẩm thủy sản khai thác của Việt Nam, khiến cho hoạt động xuất khẩu sang thị trường này vẫn gặp nhiều rào cản.



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Kế hoạch 2024	ƯTH 2023 so với 2022 (%)	KH 2024 so với ƯTH 2023 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm			
I	DIỆN TÍCH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN							
1	Diện tích nuôi trồng thủy sản biển							
1.1	Nuôi cá biển lồng	1.000 m3	4.000,0	4.300,0	4.300,0	4.500,0	107,5	104,7
1.2	Nuôi tôm hùm	1.000 m3	5.000,0	5.200,0	5.200,0	5.200,0	104,0	100,0
1.3	Diện tích nuôi nhuyễn thể	1.000 ha	55,0	57,0	57,0	58,0	103,6	101,8
2	Diện tích nuôi trồng thủy sản nội địa	1.000 ha	1.300,0	1.300,0	1.300,0	1.300,0	100,0	100,0
2.1	Nuôi nước lợ	1.000 ha	920,0	920,0	920,0	920,0	100,0	100,0
2.1.1	Nuôi cá biển ao	1.000 ha	10,0	11,0	11,0	11,0	110,0	100,0
2.1.2	Nuôi tôm	1.000 ha						
	<i>Trong đó: Nuôi tôm nước lợ</i>	1.000 ha	737,0	737,0	737,0	737,0	100,0	100,0
	+ Nuôi tôm sú	1.000 ha	622,0	622,0	622,0	622,0	100,0	100,0
	+ Nuôi tôm thẻ chân trắng	1.000 ha	115,0	115,0	115,0	115,0	100,0	100,0
2.1.3	Nuôi hỗn hợp và thủy sản khác	1.000 ha	173,0	172,0	172,0	172,0	99,4	100,0
2.2	Nuôi nước ngọt	1.000 ha	380,0	380,0	380,0	380,0	100,0	100,0
2.2.1	Nuôi cá	1.000 ha	35,7	35,7	35,7	35,7	100,0	100,0
	<i>Trong đó: - Nuôi cá tra</i>	1.000 ha	5,7	5,7	5,7	5,7	100,0	100,0
	- Nuôi cá rô phi	1.000 ha	30,0	30,0	30,0	30,0	100,0	100,0
2.2.2	Nuôi hỗn hợp và cá khác	1.000 ha	344,3	344,3	344,3	344,3	100,0	100,0
II	TỔNG SẢN LƯỢNG THỦY SẢN	1.000 tấn	9.087,3	9.050,0	9.269,0	9.221,0	102,0	99,5
1	Sản lượng thủy sản khai thác	1.000 tấn	3.862,6	3.680,0	3.861,3	540,2	100,0	91,7
1.1	Khai thác biển	1.000 tấn	3.672,6	3.500,0	3.659,8	3.365,2	99,7	91,9
1.2	Khai thác nội địa	1.000 tấn	190,0	180,0	201,4	175,0	106,0	86,9
2	Sản lượng thủy sản nuôi trồng	1.000 tấn	5.224,7	5.370,0	5.407,7	5.680,8	103,5	105,0
2.1	Nuôi trồng thủy sản biển	1.000 tấn	717,5	788,5	789,8	819,8	110,1	103,8
2.1.1	Cá biển	1.000 tấn	45,0	46,0	46,0	47,8	102,2	103,9
2.1.2	Tôm hùm	1.000 tấn	2,5	2,5	3,8	4,0	152,0	105,3
2.1.3	Nhuyễn thể	1.000 tấn	400,0	440,0	440,0	458,0	110,0	104,1
2.1.4	Thủy sản nuôi biển khác	1.000 tấn	270,0	300,0	300,0	310,0	111,1	103,3
2.2	Nuôi trồng thủy sản nội địa	1.000 tấn	4.507,2	4.581,5	4.617,9	4.861,0	102,5	105,3
2.2.1	<i>Sản lượng nuôi nước lợ</i>	1.000 tấn	1.418,9	1.549,3	1.495,7	1.611,0	105,4	107,7
a	Nuôi cá biển trong ao	1.000 tấn	70,0	75,5	75,5	80,0	107,9	106,0
b	Nuôi tôm (tôm nước lợ + tôm khác)	1.000 tấn	1.131,4	1.158,8	1.193,8	1.204,0	105,5	100,9
	<i>Trong đó: - Tôm nước lợ</i>	1.000 tấn	1.060,4	1.030,0	1.118,9	1.065,0	105,5	95,2
	+ Tôm sú	1.000 tấn	269,6	280,0	273,7	300,0	101,5	109,6
	+ Tôm thẻ chân trắng	1.000 tấn	79,8	75,0	84,2	76,0	106,9	90,5
c	Nuôi hỗn hợp và thủy sản khác	1.000 tấn	217,5	315,0	226,4	327,0	104,1	144,4
2.2.2	<i>Nuôi nước ngọt</i>	1.000 tấn	3.088,3	3.032,2	3.122,2	3.250,0	101,1	104,1
a	Cá tra	1.000 tấn	1.699,0	1.620,0	1.710,0	1.750,0	100,6	102,3
b	Cá rô phi	1.000 tấn	260,0	270,0	270,0	300,0	103,8	111,1
c	Nuôi hỗn hợp và cá khác	1.000 tấn	1.129,3	1.142,2	1.142,2	1.200,0	101,1	105,1

Kết quả ước thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất thủy sản năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của ngành thủy sản. Nguồn: Cục Thủy sản

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Đến hết tháng 12.2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,269 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2022 (9,087 triệu tấn). Trong đó: Sản lượng khai thác thủy sản đạt 3,861 triệu tấn, tương đương với năm 2022; Sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt hơn 5,408 triệu tấn, tăng 3,5% so với năm 2022 (5,224 triệu tấn).

Về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2023 ước đạt 1,3 triệu ha nuôi nội địa và 9,5 triệu m³ lồng nuôi biển (cơ bản bằng so với năm 2022), tổng sản lượng ước đạt 5,408 triệu tấn tăng 3,5%, trong đó:

Về nuôi biển: Khoảng 9,5 triệu m³ lồng, tăng 5,5% (bao gồm: 4,3 triệu m³ lồng nuôi cá biển; 5,2 triệu m³ lồng nuôi tôm hùm) và 57 nghìn ha nuôi nhuyễn thể. Tổng sản lượng 789,8 nghìn tấn, tăng 10,1% so với năm 2022 (717,5 nghìn tấn), trong đó: Cá biển 46 nghìn tấn; tôm hùm 3,8 nghìn tấn; nhuyễn thể 440 nghìn tấn; đối tượng khác 300 nghìn tấn.

Về nuôi nước lợ, tổng diện tích khoảng 920 nghìn ha; tổng sản lượng khoảng 1,496 triệu tấn. Về nuôi nước ngọt tổng diện tích

khoảng 380 nghìn ha; tổng sản lượng khoảng 3,122 triệu tấn.

Khai thác thủy sản: Công tác tuyên truyền cho ngư dân về tình trạng đánh bắt trái phép được tăng cường, đa dạng bằng nhiều hình thức khác nhau, do vậy các chủ tàu cá đã nhận thức được và từng bước nghiêm túc chấp hành quy định chống đánh bắt IUU. Hoạt động khai thác biển quý IV/2023 gặp nhiều khó khăn do giá xăng, dầu cao, ngư trường khai thác ngày càng sụt giảm, sản lượng một số loài cá sụt giảm như: cá thu, cá trích, cá chỉ vàng, cá hồng, cá cơm.... Bên cạnh đó, nhiều phương tiện, tàu thuyền vẫn hoạt động cầm chừng và hoạt động không có hiệu quả, một số tàu thuyền chưa quay lại bám biển vì chi phí đi biển quá lớn và gặp khó khăn về vốn lưu động. Tổng sản lượng cá ngừ đại dương năm 2023 của 3 tỉnh trọng điểm về khai thác cá ngừ ước đạt 19.095 tấn, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2022, do một số tàu đánh bắt cá ngừ đại dương không hiệu quả nên thời gian bám biển giảm so năm trước, do đó sản lượng khai thác giảm. Tại Phú Yên, sản lượng khai thác cá ngừ đại dương ước đạt 3150 tấn, giảm 6,2% so với



cùng kỳ năm 2022; tại Bình Định ước đạt 14.045 tấn, giảm 2,9%; tại Khánh Hòa ước đạt 1900 tấn, giảm khoảng 32%

Thực hiện những khuyến nghị của EC trong tiến trình gỡ “thẻ vàng”, số lượng tàu cá giảm còn 83.430 chiếc, giảm 6.292 chiếc so với năm 2022 là 89.722 chiếc. Trong đó: tàu từ 6-12m là 37.770 chiếc (giảm 5.230 chiếc); tàu từ 12-15m là 16.000 chiếc (giảm 480 chiếc); tàu từ 15-24m là 26.500 chiếc (giảm 470 chiếc); tàu trên 24m là 2.510 chiếc (giảm 112 chiếc).

Năm 2023, Cục Thủy sản đã chủ trì, phối hợp tổ chức 13 đoàn công tác kiểm tra tại các địa phương về triển khai các quy định của pháp luật trong lĩnh vực khai thác thủy sản. Cục đã phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương làm việc với đoàn Thanh tra của EC sang làm việc tại Việt Nam trong tháng 10/2023 để thanh tra thực tế lần thứ

4 về IUU; Tham gia kiểm tra việc chống khai thác IUU tại các tỉnh, thành phố ven biển; Tổng hợp thông tin danh sách tàu cá có nguy cơ cao vi phạm quy định IUU, đăng tải lên website của Cục (9.855 tàu cá). Đối với khai thác hải sản, số lượng tàu cá có xu hướng giảm dần nhưng chưa nâng cao giá trị sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch

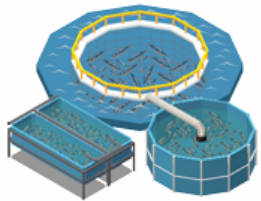
trong khai thác thủy sản còn ở mức cao. Sản lượng khai thác thủy sản chưa giảm đáp ứng chi tiêu chiến lược đề ra. Hạ tầng cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão mặc dù đã được quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành, công tác duy tu, bảo trì chưa được địa phương quan tâm, bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Tăng sản lượng nuôi trên biển: Theo Tổng cục Thủy sản, định hướng của ngành thủy sản là chuyển dịch giảm sản lượng đánh bắt, tăng sản lượng nuôi trên biển nhưng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

vấn đảm bảo xuất khẩu tăng trưởng giá trị kim ngạch hàng năm ở mức 4-5%. Vấn đề cấp thiết hiện nay của ngành thủy sản Việt Nam là chuyển từ khai thác sang nuôi trên biển, đồng thời quản lý chặt chẽ theo quy hoạch nuôi trồng thủy sản để cải thiện chuỗi giá trị. Việt Nam có hơn 1 triệu km² diện tích vùng biển, nhưng diện tích nuôi biển mới chỉ chiếm khoảng hơn 20% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản cả nước.

Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045



DIỆN TÍCH (ha)

Đến năm 2025

280.000

Đến năm 2030

300.000

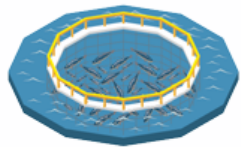
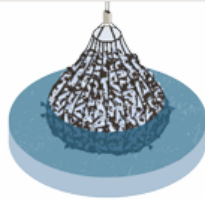
SẢN LƯỢNG (tấn)

Đến năm 2025

850.000

Đến năm 2030

1.450.000



THỂ TÍCH LỒNG NUÔI (m³)

Đến năm 2025

10.000.000

Đến năm 2030

12.000.000

XUẤT KHẨU (tỷ USD)

Đến năm 2025

0,8-1,0

Đến năm 2030

1,8-2,0



Trong những năm gần đây, do trữ lượng khai thác ngày càng giảm nên tại nhiều địa phương, bà con ngư dân đã chuyển sang hình thức nuôi trồng thủy sản và đạt hiệu quả kinh tế cao. Nhằm phát triển bền vững ngành thủy sản, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1664/QĐ-TTg ngày 4/10/2021 phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Mục tiêu chung của Đề án là phát triển nuôi biển trở thành một ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn, công nghiệp, đồng bộ, an toàn, hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; tạo ra sản phẩm có thương hiệu, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. "Mục tiêu từ nay đến năm 2025, diện tích nuôi biển đạt 280.000 ha với 10 triệu m³ lồng nuôi và sản lượng khoảng 850.000 tấn, xuất khẩu đạt từ 0,8-1 tỷ USD. Đến năm 2030, diện tích nuôi

biển đạt 300.000 ha với 12 triệu m³ lồng nuôi và sản lượng 1,45 triệu tấn, xuất khẩu đạt từ 1,8-2 tỷ USD". Theo Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Theo khuyến cáo của các chuyên gia trong lĩnh vực thủy sản, cần tạo dựng nên hệ sinh thái nuôi biển bền vững cả vùng khơi, vùng lộng và vùng bờ, khơi thông được nguồn lực đầu tư vào ngành nuôi trồng hải sản. Muốn vậy, cần đầu tư vào hạ tầng nuôi biển, nghiên cứu và chuyển giao những

công nghệ tiên tiến như lồng nuôi chắc bền chịu được sóng to gió bão. Đồng thời, cần chú trọng nghiên cứu sản xuất những con giống nuôi cho giá trị kinh tế cao. Nhà nước cần có chính sách thu hút, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ kỹ thuật, ban quản trị các hợp tác xã và tổ hợp tác, doanh nghiệp, trang trại và các cơ sở nuôi để có khả năng tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ số trong nuôi trồng thủy sản.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

NỖ LỰC GỠ BỎ THẺ VÀNG IUU

Hướng đến trách nhiệm, minh bạch, bền vững

Đến nay sau hơn 6 năm kể từ khi Việt Nam bị EC cảnh báo “thẻ vàng” đối với hải sản, dù đã 4 lần Đoàn thanh tra của EC sang Việt Nam kiểm tra, nhưng “thẻ vàng” vẫn chưa được gỡ. (theo Tạp chí kinh tế Việt Nam)



Nỗ lực **IUU**
GỠ “THẺ VÀNG”
HƯỚNG ĐẾN MINH BẠCH,
TRÁCH NHIỆM, BỀN VỮNG

- Ngày 1/10/2010 EC ban hành “Quy định về chống đánh bắt hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định của Ủy ban Châu Âu: (illegal, unreported and unregulated fishing - IUU) nhằm ngăn chặn và loại bỏ việc nhập khẩu các sản phẩm thủy sản bị khai thác IUU vào thị trường EU
- Ngày 23/10/2017, EC cảnh báo “thẻ vàng” đối với sản phẩm hải sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu vào châu Âu vì chưa tuân thủ đầy đủ các quy định IUU.
- Đã có 25 quốc gia, vùng lãnh thổ từng bị EU áp dụng biện pháp phạt thẻ; trong đó có 6 quốc gia đã phải nhận “thẻ đỏ”.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Nhục IUU
GỖ "THẺ VÀNG"
HƯỚNG ĐẾN MINH BẠCH, TRÁCH NHIỆM, BỀN VỮNG

IUU tác động đến xuất khẩu thủy sản

Việt Nam nỗ lực gỡ thẻ vàng

Công tác chỉ đạo điều hành

"Thẻ vàng" khiến thủy hải sản của Việt Nam xuất khẩu sang EU bị kiểm soát 100% thay vì kiểm tra xác xuất, làm tăng chi phí phát sinh. Mỗi lô hàng phải mất 2-3 tuần chờ để thông quan thay vì chỉ mất 2-3 ngày.

Từ khi bị EC cảnh báo "thẻ vàng", kim ngạch xuất khẩu thủy sản vào EU đã suy giảm mạnh, từ gần 1,5 tỷ USD năm 2017 giảm xuống còn 0,99 tỷ USD năm 2020.

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam vào các thị trường khác lại tăng trưởng mạnh, đưa tổng kim ngạch từ 7 tỷ USD vào năm 2016, lên mốc 11 tỷ USD năm 2022.

Nhục IUU
GỖ "THẺ VÀNG"
HƯỚNG ĐẾN MINH BẠCH, TRÁCH NHIỆM, BỀN VỮNG

IUU tác động đến xuất khẩu thủy sản

Việt Nam nỗ lực gỡ thẻ vàng

Công tác chỉ đạo điều hành

Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản 12 năm

Tác động của thẻ vàng tới xuất khẩu thủy sản vào EU

Các thị trường xuất khẩu thủy sản chính của Việt Nam

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản 8 tháng theo mặt hàng

Năm	Tổng kim ngạch (tỷ USD)	Tăng/giảm (%)
2016	1,22	6%
2017	1,50	22,9%
2018	1,41	6%
2019	1,30	7,8%
2020	1,22	6,15%
2021	1,077	17,4%
2022	1,30	20%

Chiếm vị trí thứ mấy trong các thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản vào EU (tỷ USD)

Tăng/giảm so với năm trước

Tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam

Năm	Tỷ trọng (%)
2016	17,4%
2017	17,9%
2018	15,6%
2019	15,1%
2020	14,5%
2021	12,1%
2022	11,8%

Nhục IUU
GỖ "THẺ VÀNG"
HƯỚNG ĐẾN MINH BẠCH, TRÁCH NHIỆM, BỀN VỮNG

IUU tác động đến xuất khẩu thủy sản

Việt Nam nỗ lực gỡ thẻ vàng

Công tác chỉ đạo điều hành

Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản 12 năm

Tác động của thẻ vàng tới xuất khẩu thủy sản vào EU

Các thị trường xuất khẩu thủy sản chính của Việt Nam

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản 8 tháng theo mặt hàng

Năm	Tổng kim ngạch (tỷ USD)	Tăng/giảm (%)
2016	4,7	6%
2017	6,11	30%
2018	6,35	0,65%
2019	6,7	6,9%
2020	7,84	17%
2021	8,72	14,0%
2022	11,0	25%

Đơn vị: tỷ USD

Tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước

Nhục IUU
GỖ "THẺ VÀNG"
HƯỚNG ĐẾN MINH BẠCH, TRÁCH NHIỆM, BỀN VỮNG

IUU tác động đến xuất khẩu thủy sản

Việt Nam nỗ lực gỡ thẻ vàng

Công tác chỉ đạo điều hành

Tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản 12 năm

Tác động của thẻ vàng tới xuất khẩu thủy sản vào EU

Các thị trường xuất khẩu thủy sản chính của Việt Nam

Kim ngạch xuất khẩu thủy sản 8 tháng theo mặt hàng

Năm	Tổng kim ngạch (tỷ USD)
2015	6,572,60
2016	7,053,30
2017	8,915,7
2018	8,801,90
2019	8,578,50
2020	8,587,10
2021	8,894
2022	11,023

Thị trường EU (tỷ USD)

Năm	Thị trường EU (tỷ USD)
2015	115,3
2016	121,5
2017	148,70
2018	147,99
2019	129,20
2020	97,2
2021	107,2
2022	130,2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



Theo các chuyên gia, “thẻ vàng” IUU là một nguy cơ lớn nhưng dưới góc độ tích cực, đây là một đợt “sát hạch” quan trọng để Việt Nam nhìn lại mình. Gỡ được thẻ vàng, tránh bị “thẻ đỏ” là cơ hội để hải sản Việt nâng cấp, tăng thêm uy tín và mở cơ hội lớn vào các thị trường khó tính.

“Thẻ vàng” IUU là động lực để đổi mới nghề cá của Việt Nam theo hướng tốt hơn, có trách nhiệm hơn. EU là thị trường có

nhiều yêu cầu khắt khe nhất, khi khắc phục được tất cả khuyến cáo của EC đồng nghĩa với việc chúng ta tạo ra được chuỗi sản xuất bền vững, tự tin xuất khẩu các sản phẩm thủy sản các thị trường khác

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2024

Năm 2024, tình hình thế giới dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại.

Quốc hội đã thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2024, với tăng trưởng GDP khoảng 6 - 6,5%. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 4.700 - 4.730 USD; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,1 - 24,2%. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4 - 4,5%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân 4,8 - 5,3%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 69%. Tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm trên 1%... Dự toán thu ngân sách nhà nước tăng khoảng 5%; bội chi ngân sách nhà nước dưới 4% GDP.

Nhìn về năm 2024, Cục Thủy sản nhận định ngành thủy sản tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn: Tình hình an ninh trật tự trên biển diễn biến phức tạp, khó lường, các nước trong khu vực tăng cường kiểm

soát hoạt động khai thác trên biển, ngư trường khai thác hải sản của ngư dân ta bị thu hẹp đáng kể. EC tiếp tục giữ cảnh báo thẻ vàng đối với sản phẩm thủy sản khai thác của Việt Nam, trong khi đó, nhu cầu nhập khẩu chưa có dấu hiệu hồi phục, sự cạnh tranh mạnh mẽ của các thị trường và lượng tồn kho của các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu. Vì vậy, Cục Thủy sản đề ra mục tiêu năm 2024 như sau:

- **Diện tích nuôi trồng thủy sản** giữ ổn định so với năm 2023 là 1,3 triệu ha, trong đó diện tích nuôi nước ngọt 380 nghìn ha, diện tích nuôi mặn, lợ 920 nghìn ha.
 - **Tiếp tục điều chỉnh giảm dần sản lượng khai thác**, tăng sản lượng nuôi trồng và triển khai mạnh các giải pháp để tăng giá trị đối với cả sản lượng nuôi và khai thác để tăng giá trị sản xuất đối với sản phẩm thủy sản, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng.
- Cụ thể, sản lượng khai thác khoảng 3,54 triệu tấn, giảm 8,3% so với năm 2023; sản lượng nuôi trồng 5,68 triệu tấn, tăng 5,0%

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

NĂM 2024

so với năm 2023. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản: Đạt khoảng 9,5 tỷ USD.

- **Tăng cường kiểm soát** tàu cá rời cảng và về cảng. Tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý quản lý tàu cá tại các địa phương. Tại các cảng cá, phải giám sát sản lượng thủy sản bốc dỡ, thu nhật ký, báo cáo khai thác và xác nhận nguồn gốc thủy sản. Mục tiêu phải gỡ được “thẻ vàng” trong quý 2 năm 2024.

Trên cơ sở thông tin kinh tế vĩ mô và tình hình thị trường ngư nghiệp, Ban Lãnh Đạo Công ty đã xây dựng định hướng cho năm 2024:

1 ▼

Tiếp tục tập trung vào việc phát triển và duy trì thị trường dây đánh bắt truyền thống là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty trong năm 2024. Trong kế hoạch này, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào một số công nghệ mới và áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất nghiêm ngặt hơn để đảm bảo chất lượng sản phẩm được đưa ra thị trường. Đặc biệt, việc thực hiện kế hoạch gỡ bỏ thẻ vàng IUU sau 6 năm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề ra được kỳ vọng sẽ tạo ra một điểm sáng mới cho thị trường đánh bắt truyền thống, đồng thời giải quyết một loạt khó khăn mà thị trường đã phải đối mặt trong quá khứ.

2 ▼

Việc tiếp tục phát triển các sản phẩm mới dành riêng cho thị trường nuôi trồng thủy sản là một trong những hướng đi mà Công ty đặt ra. Trong bối cảnh thị trường khai thác thủy sản truyền thống gặp nhiều khó khăn, và với sự hỗ trợ từ các chính sách của nhà nước nhằm phát triển mảng nuôi trồng trên biển, các sản phẩm ngư lưới cụ dành cho việc nuôi trồng đang chiếm được sự chú ý. Ngoài các sản phẩm công ty tự sản xuất, Công ty cũng đã tiến hành tìm hiểu các sản phẩm ngư lưới cụ khác phục vụ cho thị trường nuôi trồng trên biển, tìm kiếm các nhà sản xuất khác đưa ra các yêu cầu phù hợp với đặc trưng với vùng biển Việt Nam để đưa về phục vụ cho bà con ngư dân. Trong bối cảnh diện tích nuôi trồng càng mở rộng qua các năm, đây được dự đoán là thị trường khá tiềm năng công ty tập trung khai thác.

3 ▼

Cũng không kém phần quan trọng, việc phát triển thêm các sản phẩm mới để xuất khẩu và mở rộng danh mục khách hàng là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty. Trong thời gian gần đây, thị trường xuất khẩu đã có sự tăng trưởng ổn định, đóng góp vào việc giảm sự phụ thuộc của công ty vào thị trường nội địa. Ngoài các sản phẩm dành cho ngư nghiệp, Công ty cũng đang tập trung vào khách hàng tiềm năng trong lĩnh vực dây thừng đa dụng. Trong năm 2023, Công ty đã thành công trong việc thiết lập mối quan hệ với các khách hàng dây đa dụng lớn trên thế giới, và trong năm 2024, Công ty cũng đang có những kế hoạch đầu tư riêng cho thị trường tiềm năng này. Điều này phản ánh chiến lược mở rộng cơ cấu doanh thu đa dạng được đề ra từ Ban Lãnh đạo, nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

NĂM 2024

Căn cứ tình hình thị trường, Công ty đưa ra kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2024

CHỈ TIÊU	2023	2024
Doanh thu (tỷ đồng)	445	650
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	11.5	65

Để đạt được mục tiêu kinh doanh đã đề ra, Công ty không chỉ tập trung vào việc mở rộng sản phẩm và thị trường, mà còn chú trọng vào việc hoàn thiện hệ thống phân phối và triển khai các phần mềm quản lý bán hàng đã được triển khai. Đồng thời, công ty tiếp tục đầu tư vào các phần mềm khác nhằm cải thiện hiệu quả quản lý và giảm chi phí để tăng lợi nhuận hoạt động.

Phát triển doanh nghiệp theo hướng bền vững luôn là mục tiêu cốt lõi của Công ty. Trong năm 2023, ngoài việc tiếp tục sản xuất kinh doanh, Công ty cũng tiếp tục thực hiện các dự án hỗ trợ cộng đồng và bảo vệ môi trường biển. Công ty không chỉ là một đơn vị hàng đầu về sản xuất kinh doanh mà còn là một đơn vị tiên phong trong công tác bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Theo tình hình hoạt động hiện tại và tình hình kinh tế - chính trị toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, hiện tại nhu cầu cấp thiết nhất của Công ty là nhanh chóng hoàn thiện tái cấu trúc và tối ưu hóa năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án để đẩy nhanh doanh thu, đồng thời có các chiến lược ứng phó phù hợp với các diễn biến khó lường trên toàn cầu.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG VEERAPONG SAWATYANON

{Chủ tịch Hội đồng quản trị}
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Quá trình công tác:
1995 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch HĐQT.
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Holdings Việt Nam.



ÔNG ITTHAPAT SAWATYANON

{Thành viên HĐQT}
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Quá trình công tác:
1995 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT.



ÔNG LÊ TRẦN ANH TUẤN

{Thành viên HĐQT}
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Quá trình công tác:
1996 - 2000: Trợ lý Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
2001 - 2013: Giám đốc nhà máy Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
2009 - nay: Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Chi nhánh và Trưởng phòng R&D.



BÀ NGÔ TỬ ĐÔNG KHANH

{Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị}
Trình độ chuyên môn: Cử nhân
Quá trình công tác:
1995 - nay: Giám đốc Thương hiệu và Đối ngoại truyền thông Công ty CP Siam Brothers VN
03/2016 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sinh Thái Siam
08/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VFD
02/2018 - 08/2020: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Siam Brothers Việt Nam
08/2020 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Siam Brothers VN
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Sinh Thái Siam; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần VFD; Giám đốc Công ty TNHH ITMS Việt Nam; Giám đốc Công ty TNHH TM DV Quảng cáo và Du lịch Đông Dương



ÔNG HUỲNH TIẾN VIỆT

{Thành viên HĐQT}
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Quá trình công tác:
1994 - 1996: Phòng Kế Hoạch Tổng Hợp Công ty Đức Thành, TP HCM.
1996 - 2014: Giám đốc kinh doanh Công ty CP Siam Brothers VN
2014 - nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Siam Holdings VN
Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng QC.



ÔNG LÊ PHỤNG HÒA

{Thành viên HĐQT}
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ
Quản Trị Kinh Doanh
Quá trình công tác:
1991 - 2003: Thành viên Hội đồng thành viên, Phó TGĐ Công ty SXHTD Bình Tiên (BITIS)
2003 - 2010: Phó Tổng Giám Đốc tập đoàn Kinh Đô (KDC)
2009 - 2014: Thành viên HĐQT độc lập và cố vấn Chủ tịch HĐQT tập đoàn Hoa Sen
2010 - nay: Chủ tịch hội Marketing Việt Nam (VMA)
2014 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Siam Brothers VN
Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT độc lập.



CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT, GỒM:

ỦY BAN KIỂM TOÁN

THÀNH VIÊN:
- Itthapat Sawatyanon
- Lê Phụng Hòa

TIỂU BAN NHÂN SỰ

TRƯỞNG BAN:
- Lê Phụng Hòa
THÀNH VIÊN:
- Veerapong Sawatyanon
- Ngô Tử Đông Khanh

TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC & PHÁT TRIỂN

TRƯỞNG BAN:
- Veerapong Sawatyanon
THÀNH VIÊN:
- Ngô Tử Đông Khanh
- Lê Phụng Hòa
- Lê Trần Anh Tuấn

TIỂU BAN TRUYỀN THÔNG & QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

TRƯỞNG BAN:
- Ngô Tử Đông Khanh
THÀNH VIÊN:
- Lê Phụng Hòa

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2023, Hội Đồng Quản Trị đã thực hiện hiệu quả hoạt động giám sát, tư vấn và hỗ trợ kịp thời cho Ban Giám Đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và xây dựng định hướng, kế hoạch, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, cho ý kiến chỉ đạo ứng phó khẩn cấp khi tình hình kinh tế nội địa còn chưa phục hồi, sức mua giảm mạnh, đồng thời tình hình chiến sự và kinh tế thế giới diễn biến phức tạp.

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT thuộc từng tiểu ban đã hoạt động hiệu quả trong từng mảng cụ thể:

Tiểu ban Nhân sự:

Hỗ trợ Ban Giám đốc duy trì bền vững các hoạt động và thành quả do tổ chức tư vấn xây dựng về nguồn nhân lực; thay đổi cơ cấu tổ chức tinh gọn hơn ở một số chức năng và mở rộng ở một số chức năng cốt lõi, phù hợp với nhu cầu cụ thể của phòng ban; tuyển dụng thay thế chức vụ Giám đốc CNTT và tuyển mới chức vụ Kế toán quản trị, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp thông qua việc phân bổ nguồn lực

phù hợp hơn trong tình hình có nhiều biến động. Đặc biệt, Tiểu ban Nhân sự cũng đã nâng nỗ lực hỗ trợ HĐQT trong quá trình tìm kiếm ứng viên cho chức danh Thành viên HĐQT độc lập.

Tiểu ban Chiến lược:

Liên tục duy trì trao đổi và chỉ đạo cho Ban Giám đốc để bám sát định hướng duy trì thị trường, tinh gọn hệ thống Nhà phân phối và kho trên toàn quốc, đẩy mạnh và huy động nguồn lực để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng nước ngoài, hướng đến phát triển toàn diện các thị trường xuất khẩu, hỗ trợ triển khai các dự án quan trọng, hỗ trợ đưa ra quyết sách nhanh chóng khi có phát sinh vấn đề.

Tiểu ban Truyền thông & Quan hệ công chúng:

Phối hợp cùng bộ phận Marketing và CRM triển khai hoàn thiện các ứng dụng liên quan đến hình ảnh thương hiệu, hoàn thiện website doanh nghiệp, tham gia một số chương trình truyền thông tầm cỡ quốc gia và góp ý kiến trong quá trình lập Báo cáo thường niên, hỗ trợ định hướng nhận dạng

thương hiệu cho các sản phẩm mới.

Ủy ban Kiểm toán:

Từ thời điểm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán từ nhiệm, hoạt động của Ủy ban khá thu hẹp do thiếu chỉ đạo chuyên môn. Tuy nhiên, Chủ tịch phối hợp cùng Thành viên HĐQT độc lập còn lại và các Tiểu ban khác đã tham gia hỗ trợ duy trì hoạt động của Ủy ban, đảm bảo vẫn duy trì đóng góp ý kiến vào quá trình kiểm soát nội bộ, tham mưu về các quyết định tài chính.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Cơ cấu Ủy ban Kiểm toán:

Thành viên: Itthapat Sawatyanon
Lê Phụng Hà

• Trong cuộc họp HĐQT đầu năm 2023 trao đổi về hoạt động KTNB, UBKT đã cử nhân sự thực hiện các hoạt động giám sát vận hành và quy trình ra quyết định của BGD cũng như hoạt động cụ thể tại từng phòng ban, đóng góp ý kiến và đưa ra các kiến nghị cải thiện quy trình để giảm thiểu mức độ rủi ro.

• Bên cạnh việc giám sát, thành viên UBKT cũng tham gia các cuộc họp của BGD và HĐQT và cho ý kiến liên quan đến khía cạnh quản trị, quản trị rủi ro, xem xét sổ sách kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính năm và nâng cao mức độ tuân thủ với pháp luật và quy trình.

• Vào Đại hội đồng cổ đông năm 2023, ông Phan Lê Thành Long – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán – đệ đơn từ nhiệm chức vụ Thành viên hội đồng quản trị độc lập do đảm nhiệm chức vụ có khả năng phát sinh xung đột lợi ích. Từ thời điểm đó, Ủy ban

hoạt động nhưng không có chức danh Chủ tịch và Chủ tịch Hội đồng quản trị đã gián tiếp chỉ đạo và tham gia các hoạt động, các buổi báo cáo và cho ý kiến về kết quả cũng như góp ý cải tiến hoạt động. Việc thiếu hụt chức danh Chủ tịch do chưa có nhân sự phù hợp cũng gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động của Ủy ban, tuy nhiên Hội đồng quản trị đã chung tay hỗ trợ Ủy ban đảm bảo chức năng quản trị của mình.

Trong năm 2023, Ủy ban kiểm toán đã tham gia đánh giá nội bộ với công ty với các kết quả cụ thể sau:

- Hệ thống quản lý chất lượng và môi trường được duy trì, cập nhật, cải tiến liên tục, Công ty luôn cố gắng đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn theo ISO 9001:2015, ISO14001:2015 để đem lại chất lượng hàng hóa tốt cho người tiêu dùng.

- Luôn đáp ứng sự phù hợp và tính hợp pháp cho sản phẩm

- Các tiêu chuẩn ISO này được mã hóa và văn bản hóa, được duy trì và áp dụng liên tục

- Các quy chuẩn, quy định được đào tạo thường xuyên cho công nhân, cho toàn thể

nhân viên Công ty bao gồm người cũ và mới. Hồ sơ đào tạo được lưu giữ tại Công ty.

- Quản lý Công ty thường xuyên giám sát và nhắc nhở bộ phận mình thực hiện theo nội quy, quy định Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tên	Chức vụ	Năm 2023
Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch HĐQT	1.253.044.000
Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên HĐQT	2.091.675.000
Ông Huỳnh Tiến Việt	Thành viên HĐQT	143.608.000
Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	1.004.608.000
Bà Ngô Từ Đông Khanh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.438.150.000
Ông Lê Phụng Hà	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Trưởng Tiểu ban kiểm toán	197.704.500
Ông Phan Lê Thành Long	Thành viên HĐQT độc lập	53.122.500
Bà Trần Ngọc Diễm Quỳnh	Thư ký Tiểu ban kiểm toán	405.000.000
Ông Trần Thanh Long	Giám đốc Thương mại	1.168.000.000
Ông Nguyễn Đức Huy	Giám đốc sản xuất	829.218.000

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Công ty	Giá trị (VND)
Công ty CP SIAM Holdings Việt Nam	
Mua máy móc thiết bị	10,236,861,967
Hợp đồng vay	10,000,000,000
Công ty CP Phát Triển Hạ Tầng Việt Sơn	
Phí quản lý, phí xử lý nước thải và cung cấp nước sạch	1,118,214,986
Công ty TNHH TMDV Du lịch và Quảng Cáo Đông Dương	
Hợp đồng đồng phục nhân viên	747,215,460
Quà tặng khách hàng	520,757,404
Vải PP, tem nhãn, màng co, băng keo lõi, catalogue, bảng hiệu quảng cáo, màng OPP	6,452,434,876
Chi phí tư vấn Marketing	49,436,000
Phí thuê văn phòng	3,190,988,160
Công ty CP VFD	
Phí dịch vụ quản lý xưởng	183,839,400
Hợp đồng vay và lãi phát sinh	6,098,575,342
CÔNG TY CỔ PHẦN VFI VN	
Phí thuê xưởng	1,354,821,028
Công ty TNHH SIAM Hightech Việt Nam	
Thanh toán tiền hàng	8,616,073,200
Thu tiền bán hàng	3,368,420,099
SIAM BROTHERS NET COMPANY LTD	
Lưới PE	6,283,824,099
BETTER LIFE ASIA PACIFIC CO.,LTD	

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Về việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty, Công ty hiện chưa thực hiện đầy đủ các quy định về Quản trị công ty năm 2023 của Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM do một số lí do khách quan:

- Đến thời điểm tháng 4/2023 Công ty vẫn đảm bảo số lượng Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo yêu cầu của pháp luật. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, diễn ra vào ngày 27/04/2023, ông Phan Lê Thành Long từ nhiệm, kể từ thời điểm này Công ty hoạt động chỉ với 1/6 Thành viên Hội đồng quản trị là độc lập. Do các yêu cầu của pháp luật về vai trò Thành viên Hội đồng quản trị độc lập ngày càng cao, đồng thời Công ty hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề có tính đặc thù cao nên cho đến thời điểm hiện tại Công ty vẫn

chưa thành công trong nỗ lực tiếp cận và mời Thành viên Hội đồng quản trị độc lập mới. Công ty hiện đã có một số ứng viên tiềm năng và đang trong quá trình thảo luận sâu để tiến tới quyết định bầu cử vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông sắp tới.

- Công ty hiện đang xây dựng các kế hoạch tái cơ cấu hệ thống quản trị công ty và nỗ lực tìm kiếm ứng viên phù hợp cho vị trí Tổng Giám đốc, tuy nhiên, do các thay đổi về yêu cầu của luật pháp cũng như của doanh nghiệp nên chưa có ứng viên phù hợp.

Công ty cam kết sẽ đốc thúc quá trình tìm kiếm nhân sự phù hợp để đảm bảo tuân thủ yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo quyền lợi tối đa cho doanh nghiệp và cổ đông.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo kiểm toán độc lập

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 43

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ngày miễn nhiệm
Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch	18 tháng 6 năm 2020
Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên	18 tháng 6 năm 2020
Ông Huyonh Tien Viet	Thành viên	18 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên	18 tháng 6 năm 2020
Bà Ngô Từ Đông Khanh	Thành viên	18 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Phùng Hào	Thành viên độc lập	18 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Lê Thành Long	Thành viên độc lập	27 tháng 4 năm 2021/27 tháng 4 năm 2023
Ban Tổng Giám đốc	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Ngô Từ Đông Khanh	Tổng Giám đốc	1 tháng 8 năm 2020
Ông Trần Thành Long	Giám đốc thương mại	1 tháng 1 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Huy	Giám đốc sản xuất	1 tháng 7 năm 2015
Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ngày miễn nhiệm
Ông Phan Lê Thành Long	Trưởng ban	27 tháng 4 năm 2021/27 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Phùng Hào	Thành viên	27 tháng 4 năm 2021
Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên	27 tháng 4 năm 2021
Bà Trần Ngọc Diễm Quỳnh	Thư ký	27 tháng 4 năm 2021

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Veerapong Sawatyanon.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất, Hội đồng Quản trị được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giải định và việc Nhóm Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Nhóm Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các danh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Nhóm Công ty, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Nhóm Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Báo cáo kiểm toán độc lập

về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Grant Thornton (Vietnam) Limited
54th Floor, Pearl Plaza
501A Đào Tấn Phố 5/10
Bến Thành District
Ho Chi Minh City, Vietnam
T +84 (28) 3910 9100
F +84 (28) 3910 9101
www.grantthornton.com.vn

Số 23-21-008/2023HN (kiểm toán)

Kính gửi Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), lập vào ngày 30 tháng 3 năm 2024, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với bản tóm tắt các chính sách kế toán quan trọng và các thuyết minh khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm và kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm phát hiện các sai sót kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không nhằm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Thuyết minh 42 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện mà Công ty bị một nhân viên trước đây kiện. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm bất cứ sự điều chỉnh nào có thể phát sinh do chưa có được kết quả cuối cùng của sự việc này. Các ảnh hưởng liên quan sẽ được trình bày trong báo cáo tài chính khi nhận biết và ước tính được.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



NGUYỄN VĂN TUẤN
Giấy Chứng Nhận Kiểm toán
Số 09/2023-060-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

TRƯƠNG THỊ BÍCH LOAN
Giấy Chứng Nhận Kiểm toán
Số 1835-2023-069-1
Kiểm toán viên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	628.747.914.872	527.631.231.833
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	14.828.182.893	19.603.504.601
Tiền		111	14.881.561.241	19.638.994.313
Các khoản tương đương tiền		112	87.231.652	64.540.288
Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	3.156.376.966	375.000
Chứng khoán kinh doanh		121	873.900	873.900
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	(198.890)	(198.800)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8	123	3.156.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	212.165.137.306	241.933.197.021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	204.246.359.516	227.347.975.717
Tài trước cho người bán ngắn hạn	8	132	7.620.694.846	9.230.337.898
Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	276.628.000	44.852.334
Phải thu ngắn hạn khác	9	136	11.417.521.448	19.957.834.872
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	137	(16.794.966.866)	(14.653.693.770)
Hàng tồn kho		140	196.233.792.884	188.294.118.731
Hàng tồn kho	10	141	287.184.608.892	192.982.019.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10	149	(10.950.814.298)	(7.667.891.573)
Tài sản ngắn hạn khác		150	162.254.426.180	99.719.126.280
Chi phí trả trước ngắn hạn	11	151	2.741.186.198	2.876.362.548
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	152	99.496.171.488	87.734.896.154
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	18	153	47.868.807	98.767.580

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

8

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2023 VNĐ	31 tháng 12 năm 2022 VNĐ
Tài sản dài hạn		200	297.602.934.601	326.867.099.494
Các khoản phải thu dài hạn		210	2.232.021.727	9.082.870.848
Phải thu về cho vay dài hạn		215	719.663.309	-
Phải thu dài hạn khác	9	216	1.812.358.418	9.082.870.848
Tài sản cố định		220	204.646.862.666	223.002.548.089
Tài sản cố định hữu hình	12	221	157.516.423.595	153.395.431.792
- Nguyên giá		222	472.794.296.599	435.540.734.393
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(315.283.832.699)	(282.155.292.601)
Tài sản cố định vô hình	13	224	38.306.619.134	66.726.824.321
- Nguyên giá		225	68.254.995.462	78.442.099.605
- Giá trị hao mòn lũy kế		226	(19.158.376.328)	(19.715.475.294)
Tài sản cố định vô hình	14	227	11.938.918.627	12.960.491.948
- Nguyên giá		228	18.473.587.160	18.473.587.160
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(7.533.767.833)	(6.523.065.214)
Bất động sản đầu tư	15	230	38.453.223.079	43.188.348.118
- Nguyên giá		231	43.378.125.925	43.378.125.925
- Giá trị hao mòn lũy kế		232	(4.924.902.846)	(3.189.777.808)
Tài sản dở dang dài hạn		240	1.803.323.749	1.215.960.782
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	242	1.803.323.749	1.215.960.782
Tài sản dài hạn khác		260	68.267.803.390	53.337.931.891
Chi phí trả trước dài hạn	11	261	42.625.379.263	45.482.508.951
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35	263	7.642.128.127	7.855.422.740
TỔNG TÀI SẢN		270	826.350.848.673	854.515.291.127

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2023 VND	31 tháng 12 năm 2022 VND
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả	300		325.891.795.756	350.792.085.389
Nợ ngắn hạn	310		311.176.532.055	319.431.722.141
Phải trả người bán ngắn hạn	17	311	83.528.658.313	40.022.880.659
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	219.791.782	1.226.792.855
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	313	4.529.395.818	2.408.909.882
Phải trả người lao động		314	364.274.349	1.183.093.219
Chi phí phải trả ngắn hạn	19	315	2.752.732.478	3.444.431.464
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	469.842.238	385.276.105
Phải trả ngắn hạn khác	20	319	83.407.409.887	47.188.451.987
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	320	183.910.081.971	223.664.968.375
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	323	2.003.646.457	49.887.619
Nợ dài hạn	330		14.625.173.699	31.360.363.248
Phải trả dài hạn khác	20	337	484.089.426	595.800.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	338	14.085.653.464	30.575.485.248
Dự phòng phải trả dài hạn	4	17	942	55.539.769
Nguyên vốn chủ sở hữu	23	400	896.549.142.968	813.726.205.738
Vốn chủ sở hữu	410		896.549.142.968	813.726.205.738
Vốn cổ phần	23, 24	411	273.664.760.000	273.664.760.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a	273.664.760.000	273.664.760.000
Thặng dư vốn cổ phần		412	84.625.673.463	84.625.673.463
Cổ phiếu quỹ		413	(428.000.000)	(425.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417	14.694.981.965	14.594.901.065
Quỹ đầu tư phát triển		418	5.918.838.779	5.915.838.779
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		421	112.172.889.681	125.349.952.431
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	105.428.466.809	112.297.555.079
- LNST chưa phân phối năm nay		421b	6.752.422.882	13.052.396.355
TỔNG NGUỒN VỐN		440	826.350.848.673	864.518.291.127

TRẦN NGỌC DŨNG
Người lập kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

1/2024

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	01	445.061.826.848	472.553.929.315	
Các khoản giảm trừ doanh thu		26	02	(19.371.797.470)	(13.351.997.558)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26	10	425.690.127.378	459.202.361.757
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ		27, 33	11	(286.497.478.217)	(296.749.827.944)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20		139.192.649.169	160.452.533.813
Doanh thu hoạt động tài chính		20	21	2.942.004.354	2.937.493.232
Chi phí tài chính		20	22	(17.321.238.694)	(20.322.378.408)
- Trong đó: Chi phí lãi vay		29	23	(16.668.822.113)	(18.777.611.842)
Chi phí bán hàng		30, 33	25	(85.665.493.085)	(76.737.334.062)
Chi phí quản lý doanh nghiệp		31, 33	26	(50.029.284.419)	(48.495.456.105)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30		8.718.878.503	17.833.900.469
Thu nhập khác		32	31	2.848.061.697	37.066.697
Chi phí khác		32		(33.269.095)	(22.840)
Lợi nhuận khác		40		2.826.406.707	37.043.857
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50		11.544.078.210	17.870.950.036
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		34	61	(4.578.261.755)	(3.853.627.811)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		35	52	(213.284.693)	(354.825.675)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		60		6.752.422.852	13.052.396.355
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		23	61	6.752.422.852	13.052.396.355
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		23	62	-	-
Lãi dự sẵn trên cổ phiếu		36	70	79	248
Lãi dự sẵn trên cổ phiếu		36	71	79	248

TRẦN NGỌC DŨNG
Người lập kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

1/2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (phương pháp gián tiếp) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		11.044.079.210	17.870.960.030
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao và hao mòn	02		31.714.630.848	31.061.106.871
Thay đổi các khoản dự phòng	03		(708.282.700)	4.177.012.079
(Lãi)/chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(277.675.002)	306.093.523
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(20.674.664)	(165.753.758)
Chi phí lãi vay	06		16.668.822.113	18.171.811.843
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
Thay đổi các khoản phải thu	08		58.886.428.912	71.481.570.584
Thay đổi hàng tồn kho	09		29.820.719.263	41.648.259.280
Thay đổi hàng tồn trả	10		(14.202.696.598)	(16.347.377.178)
Thay đổi các khoản phải trả	11		18.720.683.417	(28.105.686.289)
Thay đổi chi phí trả trước	12		3.032.370.096	(506.488.121)
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.565.015.294)	(18.171.811.843)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.931.321.947)	(11.782.375.788)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.310.729.780)	(3.658.243.000)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		70.829.404.859	33.550.017.657
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21		(7.398.287.871)	(4.458.207.321)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		32.964.961	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.155.000.000)	-
Tiền thu từ tiền gửi	27		82.772.986	165.753.758
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động đầu tư	30		(10.428.630.324)	(4.290.453.563)

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

9

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo) (phương pháp gián tiếp) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày	Năm kết thúc ngày
			31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		336.285.046.329	451.488.290.118
Tiền trả nợ gốc vay	34		(379.311.367.190)	(438.502.870.588)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(13.213.627.627)	(20.704.560.170)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36		(9.886.046.600)	(15.420.198.290)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40		(65.119.894.788)	(23.141.335.911)
(Giảm)/tăng tiền và các khoản tương đương tiền				
Thuần trong năm	50		(4.706.960.363)	6.125.278.183
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5		19.683.604.691	13.834.402.743
Lãi/hối lộ của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(48.261.358)	(209.256.328)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	6		14.929.162.933	19.693.504.601



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2024



TRẦN NGỌC DŨNG
Người lập kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

10

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNDKDN") số 0300812161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 7 tháng 7 năm 2006 và theo GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 11 ngày 29 tháng 2 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã giao dịch SBV theo Giấy phép số 145/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 3 tháng 5 năm 2017.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 5, Tòa nhà Văn phòng VGR, 177 Hai Bà Trưng, Phường V5 Thủ Đức, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là 273.664.790.000 VND.

Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty bao gồm:

- Sản xuất các loại dây bền và lưới
- Chi tiết: Sản xuất dây PP, dây PE, dây thừng bền dùng trong nông ngư nghiệp
- Sản xuất sản phẩm từ plastic
- Chi tiết: Sản xuất các phụ kiện, trang cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp
- Sản xuất điện
- Truyền tải và phân phối điện
- Chi tiết: bán điện cho người sử dụng
- Bán buôn tổng hợp
- Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp và nông nghiệp
- Lắp trình máy vi tính
- Chi tiết: sản xuất và phát triển phần mềm máy tính
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Lĩnh vực kinh doanh chính trong năm của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các loại dây thừng, lưới đánh cá phục vụ cho ngành đánh bắt thủy, hải sản, văn tải biển, xây dựng, công nghiệp và nông nghiệp và sản xuất và bán điện năng lượng mặt trời.

11

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các chi nhánh và các công ty con như sau:

Các chi nhánh

Tên chi nhánh	Địa chỉ	Hạch toán kế toán
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam Số 2	Lô E, Đường số 7, Khu công nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Hạch toán độc lập
Chi nhánh Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam Số 3	Lô E, Đường số 7, Khu công nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Hạch toán độc lập

Các công ty con sở hữu trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền bầu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Siam Brothers Việt Nam	Lô E, Đường số 7, Khu công nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Bán buôn tổng hợp	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Siam Solar Việt Nam	Lô E, Đường số 7, Khu công nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An	Sản xuất và bán điện năng lượng mặt trời	100%	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty có 602 nhân viên (31 tháng 12 năm 2022: 640 nhân viên).

2. Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập trên đơn vị tiền tệ là Việt Nam đồng ("VND").

3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản mục của báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các khoản mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày trong Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước Công hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty không nhằm đánh giá những rủi ro không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

12

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được hợp nhất trên cơ sở báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con.

Các công ty con

Công ty con là các công ty mà Công ty có quyền chi phối và kiểm soát và các chính sách tài chính và hoạt động với mục đích nhằm thu được lợi ích kinh tế cho Công ty từ hoạt động của các công ty đó. Quyền kiểm soát được xác định thông qua quyền biểu quyết, thường được thể hiện ở tỷ lệ góp vốn.

Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty kể từ ngày Công ty và các công ty con có quyền kiểm soát đến ngày Công ty và các công ty con mất quyền kiểm soát. Các chính sách kế toán của công ty con được điều chỉnh cho phù hợp với chính sách của công ty mẹ.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định theo tỷ lệ tương ứng với lợi ích mà Công ty và các công ty con không nắm giữ. Lợi ích này được xác định dựa trên phần số hữu của cổ đông thiểu số đối với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được sau mua của công ty con, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ được tính cho cổ đông thiểu số trong công ty con vượt quá lợi ích của cổ đông thiểu số trong nguồn vốn của công ty con. Trong trường hợp đó khoản lỗ vượt quá đó cũng như tất cả các khoản lỗ thêm nữa khác sẽ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp cổ đông thiểu số có một nghĩa vụ ràng buộc, và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi tính cho cổ đông thiểu số sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới khi bồi hoàn tại đủ phần lỗ trước đây đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Tất cả các nghiệp vụ, số dư và lãi/lỗ chưa thực hiện giữa các công ty con trong Nhóm Công ty được loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi/lỗ chưa thực hiện liên quan tới công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty và các công ty con cũng được loại bỏ tương ứng.

4. Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán là VND được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bằng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chính sách tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ bằng tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán và/hoặc từ việc quy đổi tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất kể trên được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị đưa ra các ước tính và giá định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo hợp nhất và việc trình bày các khoản tài sản và nợ phải trả tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính. Các ước tính và giá định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giá định và các sự kiện trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và Hội đồng Quản trị đánh giá là hợp lý theo từng trường hợp.

13

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán được nắm giữ nhằm mục đích kinh doanh thu lợi nhuận. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá mua của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Nhóm Công ty có quyền số hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền số hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ có mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị thị trường của các loại chứng khoán xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Lãi/lỗ từ giao dịch bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá trị của chứng khoán kinh doanh được bán được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có khả năng không thu hồi được các khoản đầu tư này. Tồn thất từ việc không thu hồi được khoản đầu tư, nếu chưa được trích lập dự phòng, được ghi nhận vào chi phí trong kỳ và giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu phi thương mại được phân ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Hội đồng Quản trị trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.6 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo cách ước giữa các bên cho đến khi đáo hạn. Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Sau đó, các khoản cho vay được đánh giá theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản cho vay khó đòi. Dự phòng cho vay khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Hội đồng Quản trị trên các khoản cho vay có dấu hiệu không có khả năng thu hồi. Các khoản cho vay được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

14

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền tháng. Đối với các sản phẩm sản xuất, giá hàng tồn kho bao gồm một phần hợp lý định phí và biến phí trong chi phí sản xuất chung dựa trên công suất hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (số giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá tài sản cố định hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với tỷ lệ khấu hao hằng năm như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 - 20
Máy móc thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	5 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

15

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên công nhận tăng với tài sản sở hữu của Nhóm Công ty vì Nhóm Công ty sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi kết hạn hợp đồng thuê, chi tiết như sau:

Máy móc và thiết bị	Năm
	5 - 15

4.10 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá quyền sử dụng đất phản ánh tiền thuê đất trả trước liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê 11.049 mét vuông đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

Phần mềm

Nguyên giá của phần mềm, không phải là một bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ ba đến hai mươi năm.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tài sản đầu tư với mục đích cho thuê.

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị khấu hao

Giá trị khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Thời gian sử dụng hữu ích như sau:

Nhà xưởng	Năm
	25

4.12 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí.

16

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ trị giá tài sản cố định đang mua sắm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí nhà cửa, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bán giao hoặc chưa đưa vào sử dụng. Khoản hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định.

4.14 Chi phí trả trước

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê trả trước và các chi phí khác phát sinh trong việc đảm bảo sử dụng đất để thuê. Những chi phí này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê là 35 năm.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ bao gồm tài sản được Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường. Nguyên giá của công cụ, dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ một năm đến ba năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm, chi phí thuê và các chi phí khác. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.15 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.17 Các khoản dự phòng nợ phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Nhóm Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Hội đồng Quản trị về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.18 Lợi ích nhân viên

Nhóm Công ty tham gia quỹ phúc lợi với mức đóng góp xác định bắt buộc của Chính phủ Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành và lao động, việc làm và các lĩnh vực liên quan, được quản lý bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông qua các cơ quan Bảo hiểm Xã hội địa phương. Các khoản phúc lợi bắt buộc này bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, Nhóm Công ty chi trả phần nghĩa vụ của mình và các khoản phúc lợi bắt buộc này và thay mặt để trợ giúp tham gia các khoản phúc lợi bắt buộc thanh toán phần nghĩa vụ thuộc về họ.

Đối tượng tham gia, phương thức tính toán, kế khai và chi trả các nghĩa vụ liên quan đến các khoản phúc lợi bắt buộc được thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể căn cứ các quy định hiện hành có liên quan. Nhóm Công ty không có nghĩa vụ chi trả đối quỹ phúc lợi hưu trí dành cho nhân viên.

Nhóm Công ty không tham gia bất kỳ quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định.

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, nhân viên của Nhóm Công ty được hưởng trợ cấp thôi việc dựa theo số năm làm việc tại Nhóm Công ty. Khoản tiền trợ cấp thôi việc sẽ được trả một lần tại thời điểm nhân viên chấm dứt lao động tại Nhóm Công ty. Nhân viên sẽ không được hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc trợ cấp thôi việc cho khoảng thời gian nhân viên được nhận trợ cấp thôi việc.

Số dư của khoản dự phòng trợ cấp thôi việc thể hiện khoản nợ ước tính phải trả cho các nhân viên nếu họ chấm dứt hợp đồng lao động. Đối với nhân viên Việt Nam, dự phòng được tính dựa trên cơ sở nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc tại Nhóm Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa vào các mức lương tại ngày của báo cáo. Đối với nhân viên người nước ngoài, dự phòng được tính dựa trên cơ sở nửa tháng lương cơ bản cho mỗi năm làm việc tại Nhóm Công ty tính đến ngày báo cáo do họ không phải trả trợ cấp thất nghiệp.

4.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

4.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành mà các cổ đông thực mua.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư nhận được từ việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành cổ phiếu được khấu trừ khỏi phần thặng dư, cần trừ với bất kỳ khoản trợ cấp thuế thu nhập nào.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Nhóm Công ty phát hành và mua lại nhưng chưa bị hủy bỏ. Cổ phiếu quỹ được trình bày thành một mục riêng như là một khoản điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty sẽ không ghi nhận lãi hay lỗ trong giao dịch mua, bán, phát hành hoặc hủy bỏ cổ phiếu quỹ. Số tiền thu được hoặc thanh toán sẽ ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu quỹ sẽ được tái phát hành sau một khoảng thời gian cần có các quy định pháp luật về chứng khoán liên quan.

Theo Luật Chứng khoán có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, cổ phiếu quỹ được mua từ ngày luật này có hiệu lực sẽ phải được hủy bỏ, đồng thời điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Quy định tư phát triển

Quy định tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo tỷ lệ được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt căn cứ theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng và phát triển kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh hợp nhất sau thuế thu nhập lũy kế của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.21 Cổ tức

Cổ tức của Nhóm Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận được sử dụng để chia cổ tức cho các cổ đông của Nhóm Công ty là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông sau khi đã xem xét khả năng thanh toán các nghĩa vụ của Nhóm Công ty và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Nhóm Công ty và/hoặc các quy định của pháp luật hiện hành.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần SIAM Brothers Việt Nam và các công ty con
Chuẩn kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.22 Doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa

Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trong yếu tố liên quan đến khả năng thu tiền, ước tính hợp lý của giá vốn hoặc khả năng hàng hóa bị trả lại.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các ưu đãi thuê được ghi nhận như là một phần không thể tách rời trong tổng doanh thu cho thuê.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trong yếu tố liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lệ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất hữu dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

4.23 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến kỳ báo cáo hiện tại và các kỳ khác mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối kỳ báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho kỳ báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

10

Công ty Cổ phần SIAM Brothers Việt Nam và các công ty con
Chuẩn kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện không tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.24 Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chủ yếu của Nhóm Công ty theo khu vực địa lý.

4.25 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản được tính bằng cách chia lợi nhuận phân phối cho các cổ đông phổ thông sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi trên số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu

Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh số lượng bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu giữ sử dụng tất cả các cổ phiếu suy giảm tiềm năng sẽ được chuyển đổi.

Chống pha loãng

Chống pha loãng là sự gia tăng tài cơ bản trên mỗi cổ phiếu hoặc giảm số cơ bản trên mỗi cổ phiếu từ giá định rang công cụ tài chính chuyển đổi sẽ được chuyển đổi. Những tác động của công cụ tài chính chuyển đổi chống suy giảm không được bao gồm trong việc tính toán thu nhập trên mỗi cổ phiếu pha loãng.

4.26 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm công ty mẹ, các công ty liên quan đến Hội đồng Quản trị và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu công cụ một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.27 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi đến đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.28 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Nhóm Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trong yếu tố.

4.29 Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn hoặc dài hạn

Tài sản và nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả đó tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất, ngoại trừ cách thức phân loại đặc thù và/hoặc đã được định trước trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

20

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4.30 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất này.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	VND		VND	
Tiền				
Tiền mặt	671.185.891		688.181.737	
Tiền gửi ngân hàng	14.210.758.450		18.950.862.570	
	14.881.944.341		19.639.044.313	
Các khoản tương đương tiền				
Tiền gửi ngân hàng tự các ngân hàng (*)	87.231.662		54.540.288	
	14.969.182.993		19.693.584.601	

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn với lãi suất 3,2% mỗi năm (31 tháng 12 năm 2022: 3,3% mỗi năm).

6. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	VND		VND	
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.155.000.000		-	

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng tại Ngân hàng Đại chúng TNHH KASKORNBANK - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh với lãi suất từ 3,3% đến 6,5% mỗi năm. Tiền gửi có kỳ hạn được thả chấp nhằm đảm bảo cho khoản vay của Nhóm Công ty tại ngân hàng (Thuyết minh 21).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND

Bán thứ ba

Công ty TNHH Thương mại Tân xuất và Dịch vụ Hải Phát	21.879.882.125	-	18.409.958.172	-
Hộ Kinh Doanh Đàm Minh Hải	18.162.437.067	-	22.103.086.629	-
Hộ Kinh Doanh Nguyễn Đăng Phong	13.642.948.024	(4.099.799.003)	15.275.999.094	-
Là Thị Hạnh	10.794.272.861	-	16.919.737.993	-
Nghị Prince Trading Co., Ltd.	9.796.944.643	-	12.583.077.611	-
Công ty TNHH Thương mại Ngọc Hải	9.609.648.413	-	13.286.081.107	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hồng Kim Sóa	7.663.104.000	-	9.958.043.011	(2.192.302.969)
Công ty TNHH Quốc tế Anpha Thương	6.041.888.338	(1.663.283.520)	5.673.459.852	-
Khác	106.776.477.765	(8.879.671.260)	113.327.142.432	(12.461.391.701)
	292.297.896.226	(10.763.543.791)	227.248.077.001	(14.653.683.770)

Bán liên quan (Thuyết minh 38)

Công ty TNHH Siam Hightech Việt Nam	1.081.611.209	-	-	-
Better Life Asia Pacific Co., Ltd	386.044.308	-	-	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam	89.898.716	(19.512.714)	89.898.716	-
	2.037.554.299	(19.512.714)	89.898.716	-
	294.345.389.516	(10.794.096.695)	227.347.975.717	(14.653.683.770)

31

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiết biến động trong dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	VND		VND	
Số dư đầu năm	14.653.683.770		13.662.795.584	
Tích lập dự phòng trong năm	2.862.189.689		4.904.141.843	
Hiệu chỉnh dự phòng trong năm	(288.440.213)		(3.913.243.899)	
Xóa nợ trong năm	(8.441.268.611)		-	
Số dư cuối năm	10.794.096.695		14.653.683.770	

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bán thứ ba				
PT Oil and Retail Business Public Co., Ltd	2.831.613.038	-	2.854.544.024	-
Shandong Hope Net Machinery Co., Ltd	627.896.160	-	-	-
Công ty TNHH Taka Plus	900.000.000	-	500.000.000	-
Khác	1.383.711.966	-	1.843.939.637	-
	6.322.420.164	-	5.198.479.661	-

Bán liên quan (Thuyết minh 38)

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đông Dương	1.687.992.897	-	2.948.086.380	-
Siam Brothers Net Company Limited	271.794	-	1.015.042.491	-
Công ty TNHH Siam Hightech Việt Nam	-	-	74.727.246	-
	1.688.264.691	-	4.037.856.117	-
	7.010.684.846	-	9.236.337.868	-

Trong đời

Trả trước cho người bán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	6.393.599.698	-	9.236.337.868	-
Trả trước cho người bán mua sắm đầu tư	627.995.169	-	-	-
Mã ẩn cổ định	7.021.594.867	-	9.236.337.868	-

32

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

9. Phải thu khác

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Dài hạn				
Các khoản kỳ quỹ, kỳ cược	4.776.428.000	-	785.477.250	-
Tạm ứng cho các nhà phân phối	3.727.000.000	-	13.719.000.000	-
Tạm ứng nhân viên	1.202.888.208	-	2.030.194.238	-
Thuế GTGT kê nộp đồng thuế tài chính	642.391.117	-	2.043.802.648	-
Khác	779.714.068	-	570.660.736	-
	11.417.521.448	-	19.957.534.872	-
Trong đó:				
Đến liên quan (Thuyết minh 20)				
Ông Viengseng Semsaynon	830.253.788	-	570.584.705	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương	590.834.489	-	-	-
	1.420.888.188	-	570.584.705	-
Đến không liên quan	8.996.633.260	-	19.387.250.167	-
	11.417.521.448	-	19.957.534.872	-
Dài hạn				
Các khoản kỳ quỹ, kỳ cược	1.512.368.418	-	8.082.870.846	-

10. Hàng tồn kho

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	83.781.895.179	(247.071.179)	38.229.709.936	(229.564.086)
Công cụ dụng cụ	1.443.033.136	-	1.486.356.413	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.791.240.181	-	2.894.883.607	-
Thành phẩm	98.243.960.641	(1.818.771.830)	101.082.246.364	(2.509.007.018)
Hàng hóa	49.962.787.841	(8.884.971.293)	49.578.813.854	(4.949.230.408)
	237.184.896.882	(18.956.814.298)	192.982.010.304	(7.687.801.573)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2023	VND	31 tháng 12 năm 2022	VND
Số dư đầu năm		7.887.891.879		5.644.964.035
Trích lập dự phòng trong năm		3.282.922.725		2.957.177.022
Hoàn nhập dự phòng trong năm		-		(914.248.484)
Số dư cuối năm		10.955.814.298		7.687.891.573

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

11. Chi phí trả trước

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Dài hạn				
Công cụ dụng cụ	770.823.466	-	654.734.261	-
Phí bảo hiểm	433.113.921	-	234.571.775	-
Chi phí bảo trì	125.239.705	-	100.801.323	-
Chi phí tư vấn	21.816.412	-	390.871.790	-
Khác	1.360.107.694	-	1.407.583.297	-
	2.711.586.188	-	2.679.362.546	-
Dài hạn				
Chi phí thuê đất (*)	33.626.396.600	-	34.106.492.258	-
Chi phí bán hàng	4.796.628.375	-	5.193.673.253	-
Công cụ dụng cụ	4.443.307.892	-	4.850.734.847	-
Khác	388.412.476	-	1.545.828.593	-
	42.629.378.253	-	45.482.528.951	-

(*) Chi phí thuê đất bao gồm số dư chưa phân bổ hết các khoản tiền thuê đã trả trước theo các hợp đồng thuê tại Khu Công nghiệp Thái Hòa, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã thuê chấp các lô đất thuê làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty (Thuyết minh 21).

12. Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình (xem ở trang tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

12. Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
1 tháng 1 năm 2023	108.559.410.921	315.246.381.259	8.341.706.582	2.393.175.061	435.940.734.393
Mua trong năm	412.749.998	11.407.932.490	-	-	11.820.682.488
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính (Thuyết minh 13)	-	25.887.104.143	-	-	25.887.104.143
Thanh lý	-	(119.083.888)	(335.170.585)	-	(454.204.474)
31 tháng 12 năm 2023	109.972.160.919	352.422.324.003	8.006.536.007	2.393.175.061	472.794.236.530
Giá trị khấu hao lũy kế					
1 tháng 1 năm 2023	(55.632.664.448)	(216.820.489.600)	(7.622.617.802)	(2.079.580.731)	(282.155.302.581)
Khấu hao trong năm	(5.533.143.191)	(17.450.387.281)	(88.869.910)	(83.932.888)	(23.156.333.831)
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính (Thuyết minh 13)	-	(70.368.397.814)	-	-	(10.368.397.814)
Thanh lý	-	62.031.006	335.170.585	-	397.201.891
31 tháng 12 năm 2023	(61.165.806.199)	(244.679.215.709)	(7.376.317.127)	(2.163.483.620)	(318.283.832.656)
Giá trị còn lại					
1 tháng 1 năm 2023	53.926.746.473	98.425.921.659	719.148.780	313.614.330	153.385.431.792
31 tháng 12 năm 2023	48.806.354.720	107.743.112.294	630.278.880	229.682.041	157.510.433.898

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là khoảng 182 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2022: khoảng 179 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại các ngân hàng là khoảng 88 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2022: khoảng 103 tỷ VND) (Thuyết minh 21).

25

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

13. Tài sản cố định ("TSCĐ") thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND
Nguyên giá	
1 tháng 1 năm 2023	76.442.099.606
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 12)	(25.887.104.143)
31 tháng 12 năm 2023	50.554.995.463
Giá trị khấu hao lũy kế	
1 tháng 1 năm 2023	(19.716.478.284)
Khấu hao trong năm	(5.812.298.858)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 12)	10.368.397.814
31 tháng 12 năm 2023	(15.158.376.328)
Giá trị còn lại	
1 tháng 1 năm 2023	56.726.024.321
31 tháng 12 năm 2023	35.396.619.134

14. Tài sản cố định ("TSCĐ") vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng VND
Nguyên giá			
1 tháng 1 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2023	2.728.847.348	18.744.733.812	19.473.581.160
Giá trị hao mòn lũy kế			
1 tháng 1 năm 2023	(2.728.847.348)	(3.794.247.090)	(6.523.094.438)
Hao mòn trong năm	-	(1.010.872.319)	(1.010.872.319)
31 tháng 12 năm 2023	(2.728.847.348)	(4.805.119.409)	(7.533.966.757)
Giá trị còn lại			
1 tháng 1 năm 2023	-	12.950.486.722	12.950.486.722
31 tháng 12 năm 2023	-	11.939.619.627	11.939.619.627

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là khoảng 4,1 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2022: khoảng 4 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ giá trị còn lại của Quyền sử dụng đất được dùng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Nhóm Công ty tại các ngân hàng (Thuyết minh 21).

26

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà xưởng VND
Nguyên giá	
1 tháng 1 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022	43.379.125.929
Giá trị khấu hao lũy kế	
1 tháng 1 năm 2023	(3.189.777.808)
Khấu hao trong năm	(1.736.128.837)
31 tháng 12 năm 2023	(4.924.906.645)
Giá trị còn lại	
1 tháng 1 năm 2023	40.189.348.119
31 tháng 12 năm 2023	38.454.223.079

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty tại các ngân hàng là khoảng 36,45 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2022: khoảng 40,19 tỷ VND) (Thuyết minh 21).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị trường của tài sản Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	VND
Phần mềm đang cài đặt	1.382.988.749	1.103.660.782
Khác	420.366.060	112.000.000
	1.803.354.809	1.215.660.782

17. Phải trả người bán ngắn hạn (xem ở trang tiếp theo)

27

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

17. Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Giá trị VND	trả nợ VND
Bán thợ ba				
Công ty Cổ phần TMCV Dầu khí Miền Trung	16.234.076.000	16.234.076.000	8.370.450.000	8.370.450.000
Công ty Cổ phần Hòa Phát Nghệ An Đà Nẵng	6.634.000.000	6.634.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Sài Gòn	4.665.200.000	4.665.200.000	-	-
An Thanh Riscel Singapore Pte. Ltd	2.834.001.000	2.834.001.000	-	-
Công ty Cổ phần Stevan Hải Chất	1.351.360.000	1.351.360.000	4.620.000.000	4.620.000.000
Khác	10.630.664.263	10.630.664.263	12.658.238.438	12.658.238.438
	42.249.190.263	42.249.190.263	25.998.688.438	25.998.688.438

Bán liên quan (Thuyết minh 38)

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	12.970.436.460	12.970.436.460
Công ty TNHH Dam Hightech Việt Nam	3.048.948.311	3.048.948.311
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Sinh thái Siam	1.831.360.668	1.831.360.668
Siam Brothers Net Company Limited	1.726.366.807	1.726.366.807
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đông Dương	1.048.870.194	1.048.870.194
Công ty Cổ phần VPI Viti	338.376.824	338.376.824
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	353.295.938	263.295.938
Công ty Cổ phần VFD	60.717.600	60.717.600
Công ty TNHH Hòa Phát Siam Brothers Việt Nam	5.158	5.158
Công ty TNHH Global AAX Consulting	-	-
	21.279.267.950	21.279.267.950
	63.628.668.313	63.628.668.313

18. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	31 tháng 12	Trong năm		31 tháng 12
	năm 2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	37.734.995.154	64.179.520.968	(52.418.345.837)	99.496.171.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp	94.735.036	-	(57.632.572)	37.102.464
Thuế thu nhập cá nhân	4.032.545	31.134.658	(25.201.458)	9.966.644
	37.832.763.735	64.210.655.626	(52.501.179.868)	99.543.239.993
Thuế phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.349.768.379	4.520.728.183	(2.531.321.947)	4.299.176.615
Thuế giá trị gia tăng	-	37.428.470.760	(37.428.470.760)	-
Thuế thu nhập cá nhân	159.141.003	2.981.311.360	(2.852.757.295)	287.895.869
Thuế khác	-	772.959.003	(770.434.371)	2.524.632
	2.408.909.802	45.703.470.306	(43.582.984.373)	4.629.396.816

28

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Số có khả		Số có khả	
	Giá trị	năng trả nợ	Giá trị	năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi phí khuyến mãi	792.182.923	-	829.956.596	-
Chi phí vận chuyển	258.178.667	-	524.228.744	-
Thu lao Hội đồng Quản trị và ban kiểm soát	-	-	805.115.000	-
Khác	1.702.466.736	-	1.495.129.129	-
	2.752.732.478	-	3.444.431.469	-

20. Phải trả khác

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Số có khả		Số có khả	
	Giá trị	năng trả nợ	Giá trị	năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Cổ tức phải trả	81.888.177.862	81.888.177.862	46.911.304.755	46.911.304.755
Khác	1.708.232.008	1.708.232.008	277.147.212	277.147.212
	83.407.409.867	83.407.409.867	47.188.451.967	47.188.451.967

Trong đó:

Đến hạn giao (Thuyết minh 38)				
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	45.523.367.607	45.523.367.607	36.566.981.600	36.566.981.600
Công ty Cổ phần VFD	98.875.342	98.875.342	-	-
	45.621.842.949	45.621.842.949	36.566.981.600	36.566.981.600
Đến hạn báo	7.785.466.718	7.785.466.718	10.621.470.367	10.621.470.367
	83.407.409.867	83.407.409.867	47.188.451.967	47.188.451.967

Dài hạn

Ký quỹ	454.080.438	454.080.438	595.800.000	595.800.000
--------	-------------	-------------	-------------	-------------

21. Vay và nợ thuê tài chính (xem ở trang tiếp theo)

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

21. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

	31 tháng 12 năm 2022		Trong năm		31 tháng 12 năm 2023	
	Số có khả		Vay trong năm		Số có khả	
	Giá trị	năng trả nợ	Vay	Trả trong năm	Giá trị	năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn						
Vay ngân hàng ngắn hạn (i)	202.455.823.860	-	-	320.285.046.339	(371.878.119.812)	150.862.750.187
Vay bán liên quan ngắn hạn (ii) (Thuyết minh 38)	-	-	-	18.000.000.000	-	18.000.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (i)	7.995.647.288	-	7.995.647.288	-	(7.433.247.288)	8.558.947.288
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (ii)	13.213.527.427	-	8.489.294.496	-	(13.213.527.427)	8.489.294.496
	223.664.998.575	223.664.998.575	16.484.941.784	338.285.046.339	(392.524.894.527)	183.910.981.971
Dài hạn						
Vay ngân hàng dài hạn (i)	21.304.182.752	-	(7.995.647.288)	-	-	13.308.535.464
Thuê tài chính dài hạn (ii)	9.286.302.496	-	(8.489.294.496)	-	-	777.018.000
	30.570.485.248	30.570.485.248	(16.484.941.784)	-	-	14.085.553.464
	254.235.483.823	254.235.483.823	-	338.285.046.339	(392.524.894.527)	197.996.535.435

(i) Chi tiết các hợp đồng vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

STT	Khuyến vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay VND	Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
(1)	Khuyến vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn ("Vietcombank")	Theo từng kế ước nhận nợ nhưng không quá 8 tháng	5,50% - 9,00%	150.000.000.000	81.897.781.711	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phát hành L/C.	- Nhà xưởng và máy móc, thiết bị (Thuyết minh 12) - Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 11) và (Thuyết minh 14) - Bất động sản đầu tư (Thuyết minh 15)
(2)	Khuyến vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn ("BIDV")	Theo từng kế ước nhận nợ nhưng không quá 8 tháng	5,70% - 9,00%	48.000.000.000	31.888.883.978	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, phát hành L/C.	- Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 11)
(3)	Khuyến vay từ Ngân hàng Đại chúng Thương KAZKORNBANK - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh ("KBank")	Theo từng kế ước nhận nợ nhưng không quá 180 ngày	8,97% - 7,50%	72.000.000.000	27.878.104.500	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 6)
					150.862.750.187		

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(b) Chi tiết các hợp đồng vay bên liên quan ngắn hạn như sau:

STT	Loại hình vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Hạn mức vay VND	Số dư tại ngày	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
					31 tháng 12 năm 2023 VND		
(1)	Khoản vay từ Công ty Cổ phần VFD	Không xác định thời hạn	7%	40.000.000.000	6.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
(2)	Khoản vay từ Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	0 tháng	0%	10.000.000.000	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
					14.000.000.000		

(c) Chi tiết các hợp đồng vay ngân hàng dài hạn như sau:

STT	Loại hình vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư tại ngày	Số phải trả đến ngày	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
				31 tháng 12 năm 2023 VND	31 tháng 12 năm 2024 VND		
(1)	Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn (Vietcombank)	60 – 96 tháng	8,20% – 8,20%	13.308.935.464	8.995.047.288	Đầu tư máy móc thiết bị và tư vấn công lập để cho dự án Điện mặt trời Siam Solar Việt Nam	Mã xưởng và máy móc, thiết bị (Thuế nhập 12) Quyền sử dụng đất (Thuế nhập 11)

(d) Chi tiết các hợp đồng thuê tài chính ("TTC") như sau:

STT	Hợp đồng TTC	Thời hạn thuê	Lãi suất	Số dư tại ngày	Số phải trả đến ngày	Tài sản thuê tài chính
				31 tháng 12 năm 2023 VND	31 tháng 12 năm 2024 VND	
(1)	Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	48 tháng	8,20% – 8,71%	8.843.893.358	9.566.964.308	Máy móc, thiết bị
(2)	Công ty Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	48 tháng	7,20%	3.422.420.188	3.422.420.188	Máy móc, thiết bị
				9.266.313.546	8.489.284.496	

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	31 tháng 12 năm 2023			31 tháng 12 năm 2022		
	Tổng khoản thanh toán tài chính	Lãi thuê tài chính	Số gốc	Tổng khoản thanh toán tài chính	Lãi thuê tài chính	Số gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dưới một năm	8.873.806.216	394.221.819	8.488.284.496	14.992.410.707	1.519.883.280	13.213.527.427
Từ một năm đến năm năm	796.480.704	18.482.734	777.998.006	3.987.904.419	721.801.923	3.266.102.496
	9.669.867.019	402.804.553	8.286.302.496	24.200.315.125	2.200.485.203	22.479.829.923

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Chi tiết biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc		Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	VND		VND	
Số dư đầu năm	46.887.415		1.665.906.003	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6.287.497.622		2.039.144.832	
Số chi trả quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.219.758.798)		(3.488.243.005)	
Số dư cuối năm	2.955.626.239		46.887.615	

23. Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá		Lợi nhuận		Tổng
	VND	Thống kê vốn cổ phần VND		hồi đổi (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	sau thuế chưa phân phối VND	VND	
	Số dư, 1 tháng 1 năm 2022	273.904.760.000		94.629.873.483	(425.000.000)	14.894.981.068	3.368.908.114	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	13.052.396.355	13.052.396.355	
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(32.788.771.200)	(32.788.771.200)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.939.144.832)	(2.939.144.832)	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	2.548.330.868	(2.548.330.868)	-	
Số dư, 31 tháng 12 năm 2022	273.904.760.000	94.629.873.483	(425.000.000)	14.894.981.068	6.915.838.779	125.346.652.431	513.726.265.738	
Số dư, 1 tháng 1 năm 2023	273.904.760.000	94.629.873.483	(425.000.000)	14.894.981.068	6.915.838.779	125.346.652.431	513.726.265.738	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	6.752.422.852	6.752.422.852	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(6.287.497.622)	(6.287.497.622)	
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	-	(13.861.988.000)	(13.861.988.000)	
Số dư, 31 tháng 12 năm 2023	273.904.760.000	94.629.873.483	(425.000.000)	14.894.981.068	6.915.838.779	112.472.889.661	500.549.142.969	

(*) Theo Nghị quyết số 01/2023/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông Nhóm Công ty đã thông qua quyết định trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận gộp là 6.287 triệu VND và mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt tương đương với 5% mệnh giá mỗi cổ phiếu.

(**) Ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty chuyển đổi tiền tệ kế toán từ đô la Mỹ ("USD") sang Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với các yêu cầu của Thông tư số 244/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Theo đó, tất cả số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được chuyển đổi sang VND theo tỉ giá 21.036 VND bằng 1 USD. Vốn cổ phần đã được ghi nhận theo mệnh giá, khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 14.294.981.068 VND được trình bày như khoản chênh lệch tỷ giá hồi đổi.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần SIAM Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	

Vốn cổ phần đã góp		
31 tháng 12 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023	273.664.760.000	273.664.760.000

Cổ tức		
Cổ tức công bố	13.641.988.000	32.766.771.200
Cổ tức đã trả bằng tiền	8.890.046.600	15.420.108.200

24. Vốn cổ phần

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có biến động và vốn cổ phần của Nhóm Công ty.

Cổ phiếu phát hành:

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.366.478	27.366.478	27.366.478	27.366.478
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.366.478	27.366.478	27.366.478	27.366.478
- Cổ phiếu phổ thông	27.366.478	27.366.478	27.366.478	27.366.478
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(42.500)	(42.500)	(42.500)	(42.500)
- Cổ phiếu phổ thông	(42.500)	(42.500)	(42.500)	(42.500)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.323.978	27.323.978	27.323.978	27.323.978
- Cổ phiếu phổ thông	27.323.978	27.323.978	27.323.978	27.323.978

Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng cho một phiếu bầu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tại từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Trong trường hợp các cổ phiếu được Công ty mua lại, tất cả các quyền sẽ bị tạm dừng cho đến khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết về vốn góp của các cổ đông như sau:

	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022			
	Số lượng cổ	% số	Số lượng cổ	% số		
	VND	phiếu phổ thông	VND	phiếu phổ thông		
Công ty Cổ phần SIAM Holdings Việt Nam	179.829.090.000	17.982.909	68,4	179.029.090.000	17.902.309	65,4
Vốn góp của các cổ đông khác	94.835.670.000	8.483.567	34,6	94.635.670.000	8.463.567	34,6
	273.664.760.000	27.366.478	100,0	273.664.760.000	27.366.478	100,0

10

Công ty Cổ phần SIAM Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã tiến hành xóa sổ các khoản nợ phải thu khó đòi với thời hạn quá hạn từ 36 tháng trở lên.

Chi tiết các công ty đã xóa sổ nợ phải thu như bên dưới:

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Alpha Thai Swe Myint Aung Co., Ltd	2.461.705.285	-
Công ty CP Nhôm Công ty Tít Huế Việt	2.388.917.117	-
Myanmar Kanyiton Co., Ltd	535.362.923	-
Cty TNHH Quấn Minh Quấn	320.644.680	-
Shwe Pyi Oo	249.647.867	-
Khác	495.768.839	-
	6.441.368.611	-

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản có gốc ngoại tệ khác VND, như sau:

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Các ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	48.188,45	114.853,84

Tại ngày 31 tháng 12, Nhóm công ty có nhận giữ hộ hàng hóa cho khách hàng, chi tiết như sau:

Hàng hóa	Quy cách	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Dây thừng, lưới các loại	Ki lô gam	361.553	18.334.732.200	-	-

26. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND		VND	
Doanh thu bán thành phẩm	406.143.399.565	418.820.663.149		
Doanh thu bán điện	4.769.937.119	5.206.602.800		
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	3.271.701.579	2.424.590.053		
Doanh thu bán hàng hóa	95.876.826.992	46.082.083.313		
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	449.961.826.868	472.553.929.315		

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Trích: Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(16.901.257.047)	(13.351.567.558)
Chiết khấu thương mại	(3.870.528.903)	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(18.375.797.479)	(13.351.567.558)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	428.689.127.378	459.202.361.757

Trong đó:

	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Doanh thu từ bên liên quan (Theo kế minh 28)		
- Better Life Asia Pacific Co., Ltd	12.748.925.339	-
- Công ty TNHH SIAM Highway Việt Nam	3.638.313.821	3.959.132.655
- Công ty Cổ phần VFI VN	8.360.000	6.900.000
- Công ty Cổ phần SIAM Holdings Việt Nam	-	41.679.842
- Công ty Cổ phần VFD	-	6.900.000
	16.389.448.160	4.014.011.097
Doanh thu từ bên thứ ba	409.369.678.218	455.188.350.660
	425.688.127.378	459.202.361.757

11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

27. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Giá vốn thành phẩm	258.032.802.691	278.067.436.159
Giá vốn hàng hoá	25.982.917.683	17.730.584.238
Giá vốn bán điện	1.531.603.380	1.545.488.475
Giá vốn từ dịch vụ cho thuê	950.455.123	1.367.339.072
	286.497.678.217	298.740.827.944

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.211.556.386	2.771.728.474
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	277.876.002	-
Lãi tiền gửi	52.772.906	155.752.798
	2.542.205.294	2.927.487.272

29. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Chi phí lãi vay	16.888.822.113	18.171.611.843
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	386.593.523
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	662.716.493	1.784.173.543
	17.321.258.699	20.322.378.409

30. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Chi phí khuyến mãi	28.407.631.162	32.196.109.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.727.237.619	12.405.896.700
Chi phí vận chuyển	3.196.297.819	3.433.262.020
Chi phí nhân viên	8.796.198.576	8.486.142.152
Chi phí thuê	6.194.719.689	8.817.435.228
Chi phí bằng tiền khác	12.393.588.510	10.396.548.380
	65.695.488.586	76.737.324.062

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Chi phí nhân viên quản lý	23.784.992.407	24.371.863.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.231.612.459	3.030.939.070
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.861.748.346	990.903.888
Chi phí thuê	3.405.716.711	2.285.947.398
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.809.634.726	2.260.157.710
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.188.163.528	1.181.667.175
Chi phí bằng tiền khác	14.563.046.242	14.373.929.350
	60.629.265.419	48.496.468.105

32. Thu nhập khác

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Xóa sổ các khoản nợ phải trả	2.186.711.333	-
Thu nhập khác	671.950.354	37.066.507
	2.858.661.687	37.066.507

33. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Chi phí nguyên liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	167.809.734.568	215.754.036.058
Chi phí nhân công	88.435.186.729	94.023.204.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.305.311.939	45.409.627.927
Chi phí khấu hao và hao mòn	31.714.430.045	31.941.156.871
Chi phí khuyến mãi	28.407.631.162	32.196.109.522
Chi phí dự phòng	8.844.872.071	4.177.012.079
Chi phí bằng tiền khác	59.959.627.899	56.070.487.061

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm theo thuế suất phổ thông trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo các quy định thuế hiện hành, mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20%.

Chi sắt thuế TNDN trong năm ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như sau:

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế hiện hành	4.694.528.187	3.683.627.811
Dự phòng thiếu thuế TNDN của những năm trước	83.823.868	-
	4.678.361.756	3.683.627.811
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	213.294.603	924.628.870
Chi phí thuế TNDN	4.791.656.359	4.618.555.881

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Việc trình thuế TNDN của Nhóm Công ty còn phụ thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

Bảng đối chiếu thuế suất thực tế như sau:

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.544.079.210	17.870.953.036
Thuế TNDN theo thuế suất của Nhóm Công ty	2.398.615.942	3.074.193.007
Ảnh hưởng bởi:		
Chi phí không được khấu trừ	1.388.276.909	2.188.737.323
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại do các khoản lỗ thuế chưa được ghi nhận	1.843.741.040	-
Sử dụng lỗ thuế của các năm trước	-	(944.373.649)
Dự phòng thiếu thuế TNDN của những năm trước	43.823.567	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.791.656.558	4.618.553.681

Lỗ thuế có thể được mang sang năm sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế từ đa niên năm kế từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó. Tổng lỗ thuế có thể mang sang thu thuộc vào kết quả kiểm toán thuế của cơ quan thuế địa phương.

Lỗ thuế dùng để tính bù trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau được trình như sau:

Năm	Tình trạng quyết toán thuế	Lỗ thuế		Lỗ mang sang	Năm hết hạn
		VND	VND		
2018	Chưa quyết toán	12.169.584.372	(12.169.584.372)	-	2023
2019	Chưa quyết toán	774.571.391	-	774.571.391	2024
2020	Chưa quyết toán	850.185.883	-	850.185.883	2025
2023	Chưa quyết toán	5.218.765.200	-	5.218.765.200	2028
		19.013.046.846	(12.169.584.372)	6.843.462.474	

Nhóm Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho các khoản lỗ thuế vì khả năng Nhóm Công ty có đủ thu nhập chịu thuế để sử dụng khoản lỗ được khấu trừ thuế nêu trên là không chắc chắn.

35. Thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết tài sản và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, và biến động được trình bày như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022	Năm kết thúc năm 2023	Năm kết thúc năm 2022
	VND		VND	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.190.162.860	1.537.578.314	652.846.846	406.585.507
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	2.187.816.280	2.716.285.015	(648.476.338)	536.785.774
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.188.911.301	2.930.738.754	(771.927.453)	198.179.637
Sự khác biệt trong ghi nhận doanh thu xuất khẩu	491.214.838	-	691.216.838	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	616.734.893	741.841.013	(131.266.520)	(2.120.244.458)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	11.107.860	38.815.600	(27.707.690)	91.200.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(187.722.088)	(102.938.026)	(77.784.026)	81.907.671
Tài sản thuế TNDN hoãn lại ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7.842.128.137	7.855.432.740	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại ghi nhận trong báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(213.294.493)	(934.923.870)

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm kết thúc	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.782.422.882	13.682.396.356
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	4.782.422.882	13.682.396.355
Từ trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(8.696.502.000)	(9.257.497.922)
Lợi nhuận chia cho cổ đông	2.146.220.882	6.784.898.733
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.323.976	27.323.976
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	79	248

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận giữ lại theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NĐ-DHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo tỷ lệ trích lập quỹ của năm 2023.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. Các giao dịch không bằng tiền

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	
Cổ tức trả cho cổ đông chưa thanh toán	8.996.638.000	25.037.426.400
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	7.733.636.682	-
Lãi vay phải trả chưa thanh toán	183.696.849	-

38. Giao dịch với các bên liên quan

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Siam Hightech Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần VTI VN	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần VFI Solar Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần VFD	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Hòa chất Siam Brothers Việt Nam	Công ty liên quan với thành viên HĐQT
Balfour Beatty Asia Pacific Company Limited	Công ty liên quan với thành viên HĐQT
Siam Brothers Net Company Limited	Công ty liên quan với Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đông Dương	Công ty liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ngân nghiệp Siam Thái Siam	Công ty liên quan với Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Global AAA Consulting	Công ty liên quan với thành viên HĐQT
Công ty TNHH Tư vấn AFA Research & Education	Công ty liên quan với thành viên HĐQT
Ông Veerapong Saenfastram	Chủ tịch HĐQT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Trong năm, Nhóm Công ty đã thực hiện giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Bản chất giao dịch	Năm kết thúc ngày	
		31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
		VND	VND
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	Mua nguyên vật liệu	84.000.000	-
	Mua tài sản	8.165.014.000	4.200.000.000
	Sử dụng dịch vụ	1.130.769.000	4.300.844.000
	Bán thành phẩm (Thuyết minh 20)	-	41.079.842
	Cổ tức đã chia	-	7.621.345.100
	Cổ tức công bố	8.951.454.500	21.312.701.280
	Nhận gốc vay	16.000.000.000	-
	Lãi vay phải trả	4.931.507	-
Công ty TNHH Siam Hightech Việt Nam	Mua nguyên vật liệu và hàng hoá	7.919.452.727	11.202.342.766
	Bán thành phẩm và nguyên vật liệu (Thuyết minh 26)	3.659.313.821	3.853.292.864
	Cung cấp dịch vụ (Thuyết minh 26)	-	105.836.361
	Tạm ứng mua phế phẩm	-	896.947.363
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương	Mua nguyên vật liệu và hàng hoá	4.946.731.151	7.944.333.000
	Sử dụng dịch vụ	3.290.946.624	4.734.062.608
Siam Brothers Net Company Limited	Mua hàng hóa	6.253.824.099	2.806.225.625
Công ty Cổ phần VFI VN	Sử dụng dịch vụ	1.232.820.498	1.230.212.400
	Bán hàng hóa (Thuyết minh 26)	9.200.000	6.900.000
Công ty Cổ phần VFI Solar Việt Nam	Mua hàng hóa	2.979.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hệ thống Việt Sơn	Sử dụng dịch vụ	1.036.297.797	1.142.065.356
Công ty TNHH Global AAA Consulting	Sử dụng dịch vụ	-	914.289.045
Công ty Cổ phần VFD	Sử dụng dịch vụ	198.000.000	186.691.400
	Bán hàng hóa (Thuyết minh 26)	-	6.900.000
	Nhận gốc vay	6.800.000.000	-
	Lãi vay phải trả	88.575.342	-
Better Life Asia Pacific Co., Ltd	Bán hàng hóa (Thuyết minh 26)	12.746.938.339	-

39

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nhóm Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên có liên quan	Bản chất số dư	31 tháng 12 năm 2023		31 tháng 12 năm 2022	
		VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Siam Holdings Việt Nam	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	12.970.430.490	7.072.589.000		
	Phải trả khác (Thuyết minh 20)	45.823.367.807	36.596.981.600		
	Vay (Thuyết minh 21)	16.000.000.000	-		
Siam Brothers Net Company Limited	Tiền trước cho người bán (Thuyết minh 8)	271.794	1.015.042.491		
	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	1.726.346.807	2.973.624.809		
Công ty TNHH Siam Hightech Việt Nam	Tiền trước cho người bán (Thuyết minh 8)	-	74.727.346		
	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	3.048.948.311	1.382.304.457		
	Người mua trả tiền trước	-	850.947.363		
	Phải thu khách hàng (Thuyết minh 7)	1.881.611.289	-		
Công ty Cổ phần VFI VN	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	339.376.824	226.257.898		
Công ty TNHH Global AAA Consulting	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	-	164.896.713		
Công ty Cổ phần Phát triển Hệ thống Việt Sơn	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	253.295.828	65.186.497		
Công ty Cổ phần Hông nghiệp Sinh thái Siam	Phải thu khách hàng (Thuyết minh 7)	99.898.716	99.898.716		
	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	1.831.366.668	1.831.366.668		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo và Du lịch Đồng Dương	Tiền trước cho người bán (Thuyết minh 8)	1.687.892.897	2.943.036.300		
	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	1.046.876.194	707.983.284		
	Phải thu khác (Thuyết minh 9)	890.624.450	-		
Công ty Cổ phần VFD	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	60.717.600	-		
	Phải trả khác (Thuyết minh 20)	88.575.342	-		
	Vay (Thuyết minh 21)	4.000.000.000	-		
Better Life Asia Pacific Co., Ltd	Phải thu khách hàng (Thuyết minh 7)	168.644.305	-		
Công ty TNHH Hóa chất Siam Brothers Việt Nam	Phải trả người bán (Thuyết minh 17)	1.158	-		
Ông Veerapong Sawatyanon	Phải thu khác (Thuyết minh 9)	830.253.795	570.584.705		

40

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần SIAM Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

39. Thủ lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán

Trong năm, thủ lao nhận được của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán như sau:

Tên	Chức vụ	Năm kết thúc ngày	
		31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
		VND	VND
Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch HĐQT	1.253.044.000	-
Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Tiểu ban kiểm toán	2.091.678.000	1.889.494.000
Ông Huỳnh Tấn Việt	Thành viên HĐQT	143.608.000	45.960.000
Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	1.094.608.000	962.957.000
Bà Ngô Từ Đông Khanh	Thành viên HĐQT Kiêm Tổng Giám đốc	1.438.180.000	714.440.000
Ông Lê Phụng Hải	Thành viên HĐQT độc lập kiêm Thành viên Tiểu ban kiểm toán	197.704.800	51.705.500
Ông Phan Lê Thành Long	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng ban Tiểu ban kiểm toán trước đây	83.122.800	51.705.500
Bà Trần Ngọc Diễm Quỳnh	Thư ký Tiểu ban kiểm toán	465.000.000	433.188.000
Ông Trần Thanh Long	Giám đốc Thương mại	1.168.000.000	1.296.514.000
Ông Nguyễn Đức Hay	Giám đốc sản xuất	829.218.000	922.311.000
Ông Nguyễn Phạm Tuấn Long	Giám đốc tài chính trước đây	-	263.824.000
		8.884.130.000	8.412.179.000

40. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)

Nhóm Công ty cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	VND
Trong năm tài	3.291.428.280	1.349.843.513
Từ hai đến năm năm	4.947.687.388	541.826.678
	8.239.115.668	1.891.770.191

Cam kết thuê hoạt động (bên cho thuê)

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12, các khoản tiền thuê số thiếu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	31 tháng 12 năm 2023	31 tháng 12 năm 2022
	VND	VND
Trong năm tài	61.218.700	3.596.528.000
Từ hai đến năm năm	-	8.178.470.000
	61.218.700	11.774.998.000

41

Công ty Cổ phần SIAM Brothers Việt Nam và các công ty con
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

41. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo vùng địa lý được lập trên cơ sở khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Hội đồng Quản trị xác định bộ phận bao gồm Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Kết quả của bộ phận bao gồm các mục được phân bổ trực tiếp tới một bộ phận hoặc nhiều bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý. Những mục khác không nên được phân bổ tới các bộ phận bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, thu nhập khác và chi phí khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi tiết về báo cáo bộ phận như sau:

Chi tiêu	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Việt Nam	Ngoài Việt Nam	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.539.286.972	186.823.687.874	445.041.534.848
Hàng bán bị trả lại	(19.371.797.470)	-	(19.371.797.470)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	269.167.489.502	186.823.687.874	425.690.127.378
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(165.301.647.813)	(121.298.830.404)	(286.697.478.217)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.865.841.689	65.524.857.470	129.192.649.159

Chi tiêu	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		
	Việt Nam	Ngoài Việt Nam	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	300.808.533.353	171.845.395.902	472.553.929.315
Hàng bán bị trả lại	(13.351.587.558)	-	(13.351.587.558)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.456.945.795	171.845.395.902	459.202.381.717
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(160.016.298.504)	(138.733.629.440)	(298.749.927.944)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.440.647.291	32.911.766.462	160.452.533.813

42. Nợ tiềm tàng

Vào ngày 7 tháng 3 năm 2024, Công ty đã nhận được Quyết định số 202/2024/QĐHXXST-LĐ của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ("Tòa án") liên quan đến hồ sơ vụ án lao động số thẩm thụ lý số 48/2023/TLST-LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc "Thanh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động". Theo Quyết định này, một nhân viên trước đây của Nhóm Công ty đã yêu cầu Nhóm Công ty bồi thường về việc vi phạm hợp đồng lao động. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Nhóm Công ty đã thực hiện việc chấm dứt hợp đồng lao động với nhân viên này theo đúng quy định pháp luật. Do đó, Nhóm Công ty đã gửi đến Tòa án đơn phân tử và hồ sơ tự bào vệ. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa trích lập dự phòng cho bất kỳ khoản chi phí bồi thường nào liên quan đến vụ án này trên báo cáo tài chính hợp nhất do kết quả sau cùng của vụ kiện là chưa chắc chắn và chưa thể xác định được.

43. Số liệu tương ứng

Báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại được lập tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Các số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được mang sang từ báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã kiểm toán.

44. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày.

42

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

